

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

ĐẠI ĐẠO
TRUY NGUYÊN
&
PHU THÊ YẾU LUẬN
HUỆ CHƯƠNG

TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN

Ebook được làm theo ẤN-BẢN phổ biến trên Website của DAOCAODAI.INFO. Mọi góp ý, đề nghị thay đổi, sửa chữa những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tammnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **NHÓM BẠN ĐẠO – AUSTRALIA, BAN PHỤ TRÁCH KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 04/12/2011
Tâm Nguyên

ĐẠI ĐẠO TRUY NGUYÊN & PHU THÊ YẾU LUẬN

Tác giả
HUỆ CHƯƠNG
Cốt chỉ quyển sách này để trực luận về Đại Đạo Tam Kỳ

MỤC LỤC

<i>TỰA</i>	7
<i>I. ĐẠI ĐẠO TRUY NGUYÊN</i>	9
<i>II. PHU THÊ YẾU LUÂN</i>	47
<i>Cần Từ của Nhóm Bạn Đạo – AUSTRALIA</i>	65

TỰA

Tuy bề học thức của tôi vẫn còn hẹp-hòi, song hằng để tâm xem-xét trong điều hư-thiệt của đời, lại hằng thấy nhiều bậc văn-chương, thường muốn kích-bác một việc chi trong xã-hội, lại chẳng để lòng tìm biết cho tốt lý; nên hễ luận đến thì không rõ ngọn nguồn. Thành ra, vì ghét lẫn một vài người trong đấy, mà làm chình lòng cả công chúng; mà cũng làm hư danh của mình trong buổi kết cuộc. Nếu việc của người thành tựu sau xa, chừng ấy dầu có ăn-năn cũng đã muộn: Té ra, cái tư-tưởng chẳng hay của mình, lưỡng để cho đoàn hậu-tấn luận biện đời đời kiếp kiếp.

Cũng như xưa kia, Đức Chúa Jê-sus-Christ giáng-sanh khai Thánh-Giáo; cả dân sự miền Âu bởi chẳng hiểu là điều yếu trọng về sau, cho đến nỗi một vị trong 12 Môn-đệ của Ngài là Juda, vì lòng tham-lam, đành bán Ngài cho quân Jiu-Giêu đem ra hạ-sát. Khi hối-ngộ, biết rằng sự lỗi, Juda tự xử lấy mình nhưng chưa đủ đền tội. Đến buổi chung cuộc thiên-hạ rõ thấu rằng Đạo chơn-chánh rồi, thì trong lòng hằng ghi nhớ Juda là kẻ bất lương; cho đến ngày nay đã gần hai ngàn năm, mà danh xấu vẫn còn lưu-truyền, hễ nhắc đến tên, thì người người phải nhăn mặt.

Lại buổi nọ, Đức Khổng-Phu-Tử, là một vị xuất Thánh miền Á-Đông, truyền bá Nho-Giáo, nhưng rủi gặp lối chưa phục đặng lòng của sanh-linh, làm cho Ngài chịu nhiều nơi khổ-tân; đến đâu cũng bị nhà Vua xô đuổi: Cả mấy nước Lỗ, Vệ, Trần tuyệt lương Ngài. Rốt việc rồi, dân-sanh thức giấc, biết đặng Tôn-chỉ Đạo của Ngài là

cao thượng, thì Ngài cũng được hoan-nghinh. Bởi có mà ngày nay, hễ nhắc đến Ngài, thì thoát nhớ lại mấy nước xưa không biết dụng hiển. Cái danh bất luật lại roi truyền chẳng dứt. Đó là hai sự tích, vẫn còn để treo gương cho các nhà văn-sĩ đời nay, soi lấy mà tự xét phận mình.

Ấy là việc xưa, còn hiện nay, có mấy cuốn sách tôi mới đọc rồi đây, thấy người đem một nền Đạo của nhà Nam, đã từ bốn ngàn năm nay mới hầu gặp đặng, mà luận việc tà chánh; nhưng không hiểu sao là tà, sao là chánh, thì điều sơ-sốt ấy, nói chẳng cùng.

Vì vậy mà tôi để hết lòng nghiên-cứu, may thấu đặng chút ít căn-cội của Đại-Đạo Tam-Kỳ; nên đem nêu lên quyển sách này, hầu hiển cho chư quý-vị đọc giả tường-lãm, rồi mặc tình luận-biện: chớ tôi vốn là người chẳng can dự với Tôn-giáo nào, nhưng vẫn biết thấy đều chơn-chánh. Nếu có việc chi lâm-lạc: ấy là xuất ư tâm chí riêng của một ít người tham danh, chác lợi đã gây ra, chớ Tôn-chỉ của Đạo nào cũng đều dạy những sự hiển-lành ngay thật cả.

Saigon, le 15 Septembre 1929

Huệ Chương

I. ĐẠI ĐẠO TRUY NGUYÊN

Tôi vẫn sanh trưởng nơi tỉnh thành Bến-Tre, biệt-danh là Huệ-Chương, theo ông thân tôi, vốn người giúp việc hảng buôn, chuyên nghề rèn tập theo lối văn-chương Âu, từ ấu chí trưởng.

Cả bạn tác, học một trường với tôi, thì tôi duy có gấn-gũi M. Đức, vốn con nhà Cao-Quỳnh, lại là người có tâm chí rất hạp với tôi.

Từ buổi ra trường đến nay, tuy mỗi đứa vì ràng buộc theo phận sự gia-đình riêng, song cũng hằng tới lui thăm viếng, và lo-lắng cho nhau, chẳng khác tình ruột thịt.

Một ngày kia, tôi vẫn nghe thiên-hạ kích-bác về Đại-Đạo Tam-Kỳ, lại có tên ông thân, và chú ruột của ảnh, thì tôi lấy làm chưng hửng. Tuy là tôi hay đến nhà chơi với ảnh, thường cũng hay thấy mấy ông lớn hiệp nhau bàn luận việc Đạo; nhưng vì tánh tôi còn ham chơi, nên không hề để ý đến. Nay nghe vậy, tôi lật-đật đến hỏi thăm ảnh cho rõ.

Vừa gặp nhau, tôi chưa đặng cặn hỏi, thì ảnh đã vỗ vai tôi mà nói rằng: “Hơi nào mà anh nghe thiên-hạ! Họ có hiểu cái nguồn-cội của Đại-Đạo là nơi nào mà ra đâu; bị họ luống tưởng mấy ống bày ra, mà gạt chúng. Anh nghĩ coi, như có gạt-gãm, thì năm ba chục người, cũng còn có thể nói đến chuyện lâm-lạc, lẽ đâu trót triệu nhân-sanh như vậy, lại trong số triệu ấy, cũng hiếm người phẩm-vị cao, trí-thức nhiều mà cũng mắc kể mấy ống nữa sao!”

Để tôi thuật sơ đầu đuôi gốc ngọn lại cho anh nghe, rồi cứ suy nghĩ riêng lấy mà kiếm hiểu.

Anh em mình vẫn ý-kiến tương đồng, kết bạn với

nhau trót mười năm, tình như máu thịt, thường hay bàn luận; khi thì về học-thức, mà cũng có lối; nói đến tình đời, cho đến việc nhà của nhau, cũng đều thấu hết.

Anh dư biết tánh tình của tôi; tuy hay vui chơi, theo cuộc hí-trường, song cũng hằng để ý, kiếm cho hiểu biết luân-thường Đạo-lý. Tôi dòm quanh theo cô bác lối xóm-giêng, hằng thấy mỗi nhà đều chưng dọn bàn thờ; việc đẹp chẳng, là tùy gia vô hữu, nhưng cũng có lập ra luôn, hoặc thờ ông bà, hay là cha mẹ. Về nhà, thấy ông thân tôi chẳng hề để ý đến đó, tôi hỏi ổng, ổng trả lời rằng:

“Thầy nay tuổi đã bốn mươi ngoài, cũng hằng tìm tòi cho biết những điều ấy, nhưng chưa hề thấy việc nào là ắt. Nếu sự chi mà thầy chưa rõ thấu, thì thà là đừng làm, còn hay hơn là bắt chước người mà không hiểu chi cả.

Thầy duy tưởng rằng, có một Đấng Tạo-Hóa Càn-Khôn, nhưng chẳng hề thấy hình ảnh đặng, thì cung kính Ngai mà thôi. Còn những việc theo thể tình hoặc thờ cha kính mẹ, thì nơi lòng, dầu cho mất còn cũng vậy. Mỗi khi cúng cơm cho ông bà, là buộc ý thầy, làm theo cổ lệ, nếu không ngờ, lại buồn lòng. Còn bày biện bàn thờ như người, thì thầy nghĩ ra, một việc làm không ắt, thế cũng không tốn phí mà chi; miễn bốn phận người, làm sao cho khỏi trái lương tâm mình, là hơn hết”.

Nghe ông thân tôi nói vậy, thì đã biết ông không tín-ngưỡng chi hết, nhưng ông cũng hằng giữ phận làm người, thì đã đành. Tôi lại cắc-cớ hỏi chú ruột tôi là ông Cao-Quyển-Cư, té ra hai ông như một. Thậm chí, đến đời tôi tức mình hỏi cô bác, những nhà có thờ phượng, thì không một ai, trả lời nào, cho vừa lỗ tai tôi cả.

Một ngày kia, lối hạ tuần tháng Juillet 1925, nhằm

đêm thứ sáu, tôi thấy nào là chú tư tôi, chú tám tôi, là M. Phạm-Công-Tắc, anh con nhà bác họ của tôi là M. Cao-Hoài-Sang, và vài người bạn nữa, đến mời ông thân tôi đi chơi. Tôi hỏi M. Sang cho biết mấy ổng đi đâu, thì ảnh lại nói với tôi rằng:

– *Di sai bàn.*

– *Sai bàn là chi?*

– *Là câu các Linh-hôn, về nói chuyện chơi.*

Nghe ảnh nói vậy, tôi lấy làm lạ, liền nom theo mấy ổng, đặng coi làm thế nào cho biết. Đoạn mấy ổng đều kêu xe kéo, vô nhà anh Cao-Hoài-Sang; rồi vây nhau ngồi xung quanh một cái bàn tròn ba chân, để nơi trước hàng ba, lại có chưng bình bông tươi tốt và đốt nhang, sắp đặt trên một cái bàn nhỏ, để dựa vách kể đó.

Tôi cũng ngồi kể bên ông thân tôi, chừng mấy ổng biểu: “Lẳng-lặng định thần” thì mỗi người đều để hai tay úp lên mặt bàn, tôi cứ việc làm theo.

Giây lâu, tôi thấy bàn nghiêng qua bên chú tư tôi, chú lại rầy chú tám Tắc, mà biểu đừng xô, cứ ngồi cho tịnh. Bàn lại ngã qua phía ông thân tôi, ông lại rầy nữa! Cách một chập, coi bộ mấy ổng mỗi tay, nên thầy đều tan ra nghĩ hết.

Tôi có ý coi, trong mấy ổng chưa ai thạo việc ấy cả, vì thấy cãi lầy nhau hoài; kể nói vậy người luận khác, phân phân bất nhất.

Khi ấy, anh Cao-Hoài-Sang nói với mấy ổng rằng: “Mình cứ tịnh tâm, ngồi yên điếm, chừng nào có vong nhập, thì chắc là họ gõ chơn bàn, nghe cắc cắc chớ gì”. Nghe đến đó, tôi có hơi dùn mình, vì tánh tôi nhát.

Đến khi vẩy nhau lại nữa, chú tư tôi ngồi xếp bằng trên ghế, tỏ ý rằng sợ hồn ma vào gõ bàn, mà đưng cẳng, nên cả thầy đều rút chơn lên, kẻ chồm hóm, người xếp bằng, té ra mấy ống cũng không dạn gì cho mấy!

Lúc ấy đã khuya, coi ông nào cũng mệt, phần thì muỗi chích chơn, hễ thò tay xuống gối, thì lại động, làm cho cái bàn không yên tịnh, lớp lại buồn ngủ. Chú tư tôi lại suy nghĩ, rồi luận rằng: “Thế khi chúng ta để trong nhà, nên các hồn ma không dám vào. Vậy khiêng bàn ra ngoài Trời trống trải, họa may họ mới nhập đặng”. Đoạn mấy ống hề-huội áp nhau khiêng bàn ra sân. Ngồi một hồi lâu, bàn cũng cứ dờ lên để xuống, làm cho mấy ống rầy nhau, rồi cười hoài. Gặp lúc khuya, trời tối, muỗi lại cắn hơn nữa! Mấy ống chịu đả hết nổi, mới đành dẹp nghĩ, nhưng hẹn tối mai, sẽ hiệp nhau, làm cho hết ý. Ai nấy đều vui chịu, liền từ giã nhau ra về.

Qua đến mai, gặp nhằm thứ bảy, lối chín giờ, thầy đều tựu đến đủ mặt, cũng sửa soạn như bữa trước, rồi vẩy nhau lại ngồi chung quanh, để tay úp trên mặt bàn. Nhưng nay, chú tư tôi lại dạn, phải sè bàn tay ra, hai ngón tay cái của mỗi người đều đầu đầu lại rồi ngón tay út, của người khác, làm cho có thể, các bàn tay liền nhau trọn cái vòng bàn. Mấy ống nghe theo. Tịnh một chập, bàn dờ lên cao, ngã vào góc tường. Rủi cho chú tám tôi ngồi phía trong kệt, làm cho chú tưởng rằng anh Cao-Hoài-Sang, đứng ngồi ngang mặt, cố ý muốn cợt chơi, nên chú la um-sùm rằng:

– Sang! Sang! Đừng phá mây, chơi giống gì kỳ quá, mắc kệt tao sao mặt! Rán ngồi tử-tế coi mà!

Ai nấy thấy vậy, đều cười rộ lên, mặt bàn nghiêng lại như cũ. Chú tư tôi liền năn-nỉ với mấy ống, xin đừng giận,

để ý rán làm cho tận-tâm coi thế nào cho biết. Khi nghe chú tư tôi nói dứt lời, thì thầy đều ngồi lẳng-lặng. Chú tư tôi thường hay có tánh giả ngộ, hễ nghe bàn cục-kịch, lại trợn mắt, ngó mấy ông kia. Tôi dòm thấy, ai ai cũng sợ cả, lại áp nhau cười rộ lên nữa! Làm như vậy, đã trót vài giờ, mà bàn cũng cứ dờ lên để xuống mãi; mà hễ thấy vậy, thì mấy ống lại rầy nhau, tưởng rằng tại người xô mà thôi.

Chừng tịnh lần này, cả thầy ngồi im điềm; thoát nhiên, bàn dờ lên gõ lia gõ lịa. Mấy ống cũng cho là nội bọn phá, bèn hỏi thăm nhau. Ai nấy đều tỏ rằng, cả thầy đều để thật lòng mà thử cho hết sức, nên không xô đẩy chi; ấy là bàn điều-động tự nhiên. Khi đó, người thì nói tê tay, kẻ lại nghe rần điễn. Trong cơn mấy ống hỏi nhau, bàn dứt gõ, nhưng cũng còn linh-chinh, dường như có sự sống vậy. Chừng nghi rằng có vong nhập, thầy đều kinh tâm; mấy ống lụi-đụi, không biết phương chi mà thông-đồng với vong đặng.

Chú tư tôi liền dặn mấy ống để như cũ, đừng ai lấy tay ra khỏi bàn, mà làm xao động, e vì vong xuất ngoại. Dứt lời, chú tư tôi lại nói với vong rằng:

– Xin khoan đi, để cho hỏi ít lời... Bây giờ chưa kiếm đặng thế nào cho hiểu nhau, thì duy cứ gõ hai, nghĩa là: Ủ chịu, có hoặc phải (Oui). Còn gõ một là: Không, hay là chẳng phải (Non).

Vong tiếp gõ hai: Tỏ rằng chịu theo lời dặn.

Đoạn chú tư tôi liền ngụ ý, rồi nói với vong như vậy: Ta hiểu theo đây, thì có thể nói chuyện với nhau tiện hơn. Nếu tôi hỏi chi, muốn trả lời lại, cứ tùy theo vần Alphabet quốc-ngữ mà gõ, mỗi chữ mỗi gõ, đến chữ nào dùng thì ngưng lại, nghĩa là lấy chữ chót; rồi bắt đầu trở

lại mà nối chữ khác, xong rồi sẽ ráp lại mà đọc, giống như điệu dây thép vậy.

Vong liền gõ hai (Ừ chịu).

Hiểu nhau rồi, bàn gõ, chú tư tôi khởi đọc. Nhưng sự chi cũng vậy, lúc đầu sao cũng lộn-xộn năm bảy phen, đọc cho đến hết hai mươi mấy chữ vẫn, mà cũng còn gõ mãi. Tức mình, chú tư tôi cắt nghĩa lại một lần nữa. Thật lấy làm tội nghiệp cho vong quá, lại cũng thương cho mấy ống, vì muốn thấu đáo, nên rán chịu khó đến cùng. May sao, lối môn hơi rồi, chú tư tôi đọc từ a, ă, â, b, c, d, đ tới chữ L thì dứt gõ. Chú tư tôi dặn M. Cao-Hoài-Sang nhớ chữ ấy, đủ rồi sẽ chép lại. Đoạn bàn tiếp gõ quận thứ nhì. Chú tư tôi đọc a, ă, â, b, c, d, đ, cho đến chữ Ừ, bàn ngừng lại rồi cũng cứ nối điệu theo như trước, cho đến khi ráp dạng ba chữ: “Lượng-Cao-Quỳnh”.

Khi tiếp dạng mấy chữ ấy rồi, thì mấy ống hơn-hở vui cười. Dứt tiếng, chú tư tôi suy nghĩ rồi nói rằng: “Như phải là Cao-Quỳnh-Lượng, thì chắc biết mấy người ngồi đây; vậy cứ nói tên mỗi người coi có trùng chẳng?”

Vừa dứt lời bàn gõ, chùng ráp nguyên chữ thì thành ra tên: Diêu, Cử, Tắc, Sang, Đức, Thân, Nguyên, thấy đều rộ cười lên, còn cái bàn thì hồng lên một chun, lắc qua, lắc lại, dường như cũng cười theo vậy.

Khi ấy, ông thân tôi tiếp hỏi Lượng rằng:

- Con có ở hầu ông Nội chẳng?
- Có.
- Mời ông Nội đến đây, tiện không?
- Dạng.

Dứt lời, thì bàn đỡ lên rồi để xuống, không còn

điều-động như khi nãy nữa. Chú tám tôi nói rằng: “Bộ khi nó đi rồi”. Nghe vậy, mấy ống đều dang ra nghĩ hết. Chùng ấy, tôi có ý coi thì thấy ông nào ông nấy, cũng lấy làm lạ, mà nhứt là ông thân tôi, với chú tư tôi. Vì tự ấu chí trưởng, hai người không tin chi hết, cho kiếp chết là mất rồi, chẳng tin là có hồn. Nay lại thấy điều lạ kỳ như vậy, thì hai ống ngồi nhìn nhau, tình hình như trời đã hé cửa cho mấy ống dòm, thấy dạng sự bí-mật vậy.

Cách nửa giờ, vậy nhau ngồi, để tay lên, cũng tịnh như trước; kỳ nầy mấy ống có màu kiêng dè, không dám cười giỡn nữa! Đoạn bàn gõ. Chú tư tôi tiếp dạng chữ, ráp lại như vậy: “Cao-Quỳnh-Tuân”.

Ấy là tên của ông Nội tôi, cả thầy đều đứng dậy xá, rồi ngồi xuống. Ông thân tôi hỏi sơ ít điều đã qua rồi, kể chú tư tôi tiếp nói rằng: “Vi buổi thầy quá vắng, anh em con vẫn còn nhỏ dại, cho đến đổi anh của con đã trọng, còn không nhớ dạng hình ảnh của thầy, huống chi là con còn nhỏ quá, duy buổi lớn khôn, nghe người truyền ngôn lại cái hạnh đức của thầy mà thôi. Nếu có thể tiện, xin thầy dùng dịp nầy, cho anh em con một bài thi tự thuật, hầu để roi truyền ngày sau, cho con cháu làm kỷ niệm”. Ông nội tôi chịu cho, liền tiếp đánh ra bài thơ như vậy:

*Ly trần tuổi đã quá năm mươi,
Mi mới vừa nên ước dặng mười.
Tổng mển lời khuyên bên mộ chép,
Tình thương câu dặn gần tâm đời.
Bên màn đời lúc trên hôn phách,
Cõi thọ nhiều phen dạng thành thời.
Xót nỗi vợ hiền còn lụm cùm,
Gặp nhau nhẩn nhủ một đôi lời.*

Khi làm đến câu chuyện, thì cả thầy đều nao lòng, rưng rưng nước mắt; chừng qua câu kết, thì ông thân tôi, chú tư tôi, và chú tám Tác, vùng khóc lớn lên một lượt; còn mấy ông kia với anh Cao-Hoài-Sang thấy vậy cũng mũi lòng khóc theo. Lúc đó, đầu cũng hai giờ khuya, lối xóm nghe khóc rùm lên, vài nhà lân cận đến dòm, thấy việc kỳ quái quá, thì họ đứng coi một hồi, nhưng không hiểu chi, họ đều lui về nhà ngủ hết.

Dứt bài rồi, thì ông nội tôi tiếp mấy chữ: “Thầy xin kiếu”, đoạn bàn đỡ lên cao, rồi để xuống nhẹ hều, không còn hơi động địa như khi trước nữa. Mấy ông nói: “Đi rồi, đi rồi”. Khi ấy mấy ông xúm nhau đem vô đèn, chép mỗi người một bài, coi đi đọc lại rồi trầm-trồ khen mãi. Thấy vậy, tôi cũng để chút lòng tin, song chưa hiểu rõ cái huyền-bí ấy là thế nào. Còn ông thân tôi, chú tư tôi cùng mấy ông vây nhau, bàn luận truy kiếm cho biết vì đâu mà hóa ra chuyện lạ ấy. Tôi có ý coi, ông nào cũng ngơ-ngờ, ngáo-ngáo, chớ tìm không ra mối.

Ai nấy đều lui về nghỉ, duy có ông thân tôi chẳng chịu về nhà. Ông theo chú tư tôi, mà thức luôn trót đêm, cứ đọc đi đọc lại bài thi ấy lại hoài, rồi bàn bàn luận luận, suốt luôn cả ngày chúa nhựt nữa! Ngồi đầu cũng nói có bao nhiêu đó mà thôi. Thậm chí cho đến buổi cơm mà ông cũng ở luôn, mà dùng với chú tư tôi. Hai ông ngồi phân phân với nhau, cho đến mệt lủi, rồi nằm dài trên ván, mà cũng còn nói nói. Riết cho đến khi ngủ mòm, hồi nào tôi không hay, chừng ngó lại, thấy đồng hồ gần bốn giờ xế chiều, tôi mới về nhà mà nghỉ.

Lật bật, kể bảy giờ tối, ông thân tôi về kêu tôi dậy, hồi dọn cơm ăn, đặng hiệp nhau, đi vô anh Cao-Hoài-Sang

nữa. Lăn hồi, kể trước người sau, lối chín giờ rưỡi, thầy đều đủ mặt; rồi thì cũng vây nhau lại xung quanh cái bàn, đốt nhang lên. Đêm nay coi mòi mấy ông sửa soạn đoan trang hơn bữa trước lắm.

Tôi cũng bước lại, ngồi kể bên ông thân tôi. Cách chẳng bao lâu, bàn đỡ lên đánh chữ, ráp vắn lại như vậy: “Thác vì tình”. Nghe đến đó, thầy đều rớn ốc. Chú tư tôi bèn hỏi vong ấy tên chi? Đàn ông hay đàn bà? Trả lời rằng: “Đoàn-Ngọc-Quế, con gái”.

Tên họ đều trùng, mà chữ lót cũng giống tên họ của một người bạn thiết với ông thân tôi, đương ngồi kể bên chú tám Tác đó. Mấy ông đều ngó M. Quế cười rộ lên. Đoạn chú tư tôi nói với vong ấy, xin một bài thi tự thuật.

Vong chịu, liền khởi đánh ra như vậy:

*Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai,
Mạng bạc còn xuân uống sắc tài.
Những ngõ trao duyên vào ngọc các,
Nào dè phũ nợ xuống tuyến đài.
Dương sinh cam lỗi tình sông núi,
Tơ tóc thôi rồi nghĩa trước mai.
Đồn-dập tương-tư ỏn một gánh,
Nỗi-niềm tâm-sự tỏ cùng ai.*

Ký tên: Đoàn-Ngọc-Quế

Xong bài thi rồi thì mấy ông trầm trồ, người cho rằng, câu văn thanh tao; kẻ nói trạng luận đối rất chỉnh. Nhưng vì nghi cho nàng ấy dối tên, nên chú tư tôi để lời mời nàng, năng đến chuyện vắn chơi cho thường, hầu hỏi cho biết rõ căn cội, nàng khứng chịu. Từ ấy, mỗi đêm đều qui tụ nơi nhà anh Cao-Hoài-Sang. Trót tuần lễ, khi

thì ông thân của anh Cao-Hoài-Sang về, lúc thì chú ách Đồng, là anh ruột của chú tám tôi, về mà chuyện vãn. Máy ống hỏi nhiều việc đã qua rồi, các vong cũng đều trả lời trúng hết, nhưng tôi coi ý mấy ống chưa có lòng tin cho lắm. Cả thầy đều cho là một việc chơi cho tiêu-khiển, nên mỗi đêm mấy ống đều có tụ nhau, vui chơi bao nhiêu đó thôi. Lâu ngày, vì thức quá mà mồn lần hỏi, rốt lại còn có sáu người là: ông thân tôi, chú tư Cư, chú tám Tắc, anh Cao-Hoài-Sang, Nguyễn-Tải-Thân và tôi mà thôi.

Một buổi tối thứ bảy kia, nhằm tối thượng tuần tháng Aout 1925, ba ông hiệp nhau chơi, còn ông thân tôi, vì mắc việc nên vắng mặt; còn tôi với em tôi, thì cứ theo chú tư tôi. Bữa ấy, có cô Đoàn-Ngọc-Quế về bàn, đàm luận một hồi, rồi ba ống xin kết anh em với cô. Cô bằng lòng, bèn kính:

*Chú tư tôi là Trường-ca,
Chú tám Tắc Nhị-ca.
Anh Cao-Hoài-Sang, Tam-ca,
Phần cô, thì Tư-muội.*

Còn hai anh em tôi, cô kêu bằng em cả. Đoạn cùng nhau trò chuyện. Lần hỏi, chú tư tôi vì nghi cô trá tên, nên năn-nỉ hỏi cô cho đến cùng. Cô liệu khó giấu, nên tỏ thiệt là: V.T.L.

Chú tôi hỏi thăm mô mả, cô cũng chỉ rõ. Rạng ngày, ba ông dẫn nhau đi tìm dạng nhà mồ của cô, rất nên đẹp đẽ, gần nơi Phú-Thọ, rõ ràng có tên tuổi cô, để trên mộ bia. Khi kiếm được rồi, mấy ống mừng rỡ chẳng xiết, bèn đứng trước mộ, khẩn vái với cô, xin theo về nhà ông thân tôi nói chuyện chơi, có ý thử coi ban ngày, chư vong có thể nhập bàn dạng chẳng?

Khi ba vị về đến nhà lối 9 giờ ban mai, thuật chuyện tìm dạng mả của cô lại cho ông thân tôi hay, đoạn đem bàn ra mà cầu cô. Thật quả, có cô đến đàm luận, rồi nhìn cái mộ mà ba ông đã đến viếng, là nơi xác của cô an nghỉ đời-đời kiếp-kiếp.

Kể từ mấy ống hiểu dạng chút ít trong việc mầu nhiệm của Trời Đất, lại có thể cầu chư vong trong buổi bạch nhật, thì mấy ống càng hứng chí hơn nữa. Ngày đêm không kể đến sự mệt nhọc, ông thân tôi, thì hiệp với anh Cao-Hoài-Sang, nơi nhà tôi mà chuyện vãn với chư vong, còn chú tám với chú tư tôi, thì vãn nhau nơi nhà chú tôi, cũng trong một con đường Bourdais, hai cái nhà ở ngang, trich nhau chừng vài căn phố.

Từ ấy mấy ông đã chia nhau hai bên, hằng ngày hằng đêm kiểm tìm về việc huyền-bí, mà học hỏi với nhiều vị khuất mặt. Cách ít lâu, có hai vị Tiên-Trưởng đến làm thi vãn, bên chú tư tôi thì ông Thanh-Sơn, còn bên ông thân tôi, lại có ông Nhân-Âm Đạo, cả hai nhà đều dạng mỗi bên, mười bài thi (Thập-thủ-liên-hườn) khác nhau.

Một đêm kia, nhằm lúc bốn ông hiệp lại, lập bàn hương-án, khẩn cầu Đức Tả-Quân. Người đã có lòng thành, nên Ngài cũng giáng vào, để một bài thi, nhưng lâu ngày tôi đã quên phức.

Lại có đêm nọ, mấy ống vãn lại, vừa ngồi vào bàn, thì có cô V.T.L. đến giáng, cô lại trình diện một người chị em theo với cô, xin vào ra mắt mấy ống. Cô nói rằng, vị nầy thi-phú cũng hay lắm! Mấy ống mừng rỡ, bèn mời tân khách giáng vào.

Đoạn người ấy tiếp vô xưng rằng:

– Em là Hớn-Liên-Bạch, xin hiến một bài thi, ra mắt mấy anh, song xin mấy anh chớ nệ chi về văn chương hay dở.

Anh Cao-Hoài-Sang liền tiếp rằng:

– Tôi vừa nghe cô Vương nói rằng, thi văn của cô rất hay, vậy tôi xin ra đề. (Ý M. Cao-Hoài-Sang chưa tin cho mấy, e vì mấy ông kia bịa đặt mà giả mạo gạt anh.)

Cô liền khứng chịu, anh Cao-Hoài-Sang ngồi suy nghĩ rồi ra đề: “Tiến biệt tình lang”.

Cô tiếp đỡ bàn gõ, không ngừng chút nào cả. Mấy ông ráp lại bài thi như vậy:

*Chia gương căn dặn buổi trường-đình,
Vàng đá trăm năm tạc tấm tình.
Bước rẽ ngùi trông cơn ác xế,
Lời trao buồn nhớ lối trăng thình.
Ngày chờ mây áng ngàn dâu khuất,
Đêm bật đèn khuya một bóng nhìn.
Lần lựa cô phòng xuân thôn-mỏn,
Xa xui ai thấu nỗi đình-ninh.*

Dứt bài thi, mấy ông rộ lên khen cô rằng: “Văn thiệt là quáng thế!”

Lại xin cô tiếp một bài nữa, lấy đề “Hoài-Lang” mà làm. Cô chẳng suy nghĩ chi, cứ đề một bài rằng:

*Động-đình nhớ buổi tạm chia đường,
Bốn giọt nhìn nhau lối rẽ cương.
Trời thấm mây giăng muôn cụm ủ,
Biển sâu nước nhuộm một màu thương.
Cờ thần chạnh lúc vẫy đôi bạn,
Tiệc ngọc nào khi hội nhứt trường.*

*Mượn vận lương-nhân xin nhẩn-nhủ,
Vườn xưa tiếng nhạn lưỡng kêu sương.*

Thật là tuyệt bút! Mấy ông khen ngợi chẳng cùng, nhờ nơi đây mà phục đặng lòng tín-ngưỡng của mấy ông chút ít nữa.

Khi khác mấy ông lại kiếm nhớ những bạn tác nào, lúc còn sanh tiền, biết làm thi mà mời về, đặng thử nữa! Đoạn nhớ đến M. Huỳnh-Thiên-Kiều, là người buổi sống giúp việc sở tuần thành, bỏ vào dinh Đốc-ly Sài-gòn, coi về sở Patentes. Người ấy, còn ai ở Sài-gòn mà chẳng biết, khi ở thể có nhập vào Hội-Thi-Xã. Mấy ông bèn vái tên họ của M. Huỳnh-Thiên-Kiều. Trong giây lát, nhập vào bàn đề thi rằng:

*Nhẩn-nhủ mấy anh một ít lời,
Làng mây hôn trẻ đã xa chơi.
Mẹ già nôi hiếu chứa rồi đạo,
Vợ yếu niềm duyên chẳng trọn đời.
Chạnh nhớ quê xưa lòng xót-xáy,
Buồn trông cảnh cũ dạ bồi-bồi.
Ai về gọi lại tình sông núi,
Kiếp khác ân sinh sẽ đáp bồi.*

Huỳnh-Thiên-Kiều tự Quý-Cao

Ngày kể đó, cũng vì M. Nguyễn-Trung-Hậu, nguyên là một người bạn trong Thi-Xã-Hội với M. Huỳnh-Thiên-Kiều vì thấy bài thi bữa trước, cũng có ý không tin, nên ngày sau M. Hậu làm một bài đem đến. Khi đem bài thi đến, vái rồi đốt, đoạn mấy ông vẫy nhau lại ngồi, cầu M. Huỳnh-Thiên-Kiều. Trong giây lát, M. Huỳnh-Thiên-Kiều vào tiếp họa bài thi như vậy:

*Một tiếng u-minh giống cửa không,
Phồn hoa vụt tỉnh giấc đương nồng.
Ngồi thuyền Bát-nhã qua tình biển,
Mượn nước nhanh-dương rưới lửa lòng.
Cuộc thế lạnh-lùng lần gió lọt,
Đường đời ngán-ngăm bụi trần lỏng.
Kiếp tu xưa tiếc chưa nên Đạo,
Oan trái phũ rồi phép Phật thông.*

Ký tên: **Quý-Cao**

Gặp lối mấy ông đương mê thi-văn, lại có người
tuyệt-bút, đến giảng vào đề một bài:

Vịnh Xuân

*Ngàn liễu khoe xuân cảnh rõ màu,
Xuân nồng vườn ngự vẻ thanh tao.
Chào xuân ác lỗ trăm lần rạng,
Gheo liễu trắng soi một sắc lâu.
Thơ-thời cảnh hôm, hoa động ngọc,
Êm-dềm dạo tối, cỏ đeo châu.
Đượm bầu nhân sự xuân qua lại,
Khuất bóng xuân sang khách lưỡng sầu.*

Hơn-Liên-Bạch kính hiến.

Hàng đêm, hàng có chư-vị đến, mấy ông thử cũng
hết sách, mà cũng nhờ vậy, mới phục dạng lòng của mỗi
người. Như có một buổi, anh Cao-Hoài-Sang buồn, để
một bài thi Tự-thuật, có ý than thân trách phận, sao lẩn-
lóc với tình đời, tuy tuổi chưa bao nhiêu mà đã mòn-mỏi.
Anh đem ra nhà cho ông thân tôi coi, và cũng muốn để
cho mấy ông họa lại chơi cho vui. Nói chuyện với nhau rồi
lẩn-quẩn cũng cầu chư-vị nữa! Vào ngồi trong năm phút

đồng hồ, thì có ông thân của anh, là bác Cao-Hoàng-Ân
giảng đến. Thuở bác còn sanh tiền, làm việc Tòa-Án, lại
cũng có đi vùng miệt Tây-ninh, Bạc-liêu, và nhiều chỗ
khác nữa. Rồi sau, lại về ở Sài-gòn rồi mới quá vắng, tôi
tưởng nhiều người biết bác lắm. Khi ấy, chú tư tôi thưa
với bác rằng: Sẵn dịp anh về đây, nhằm lúc Sang làm một
bài thi tự-thán, cậy mấy anh em tôi họa, vậy anh họa chơi
luôn thể. Ông thân tôi lại nói, anh cứ việc đề thi, dạy nói
thể nào, thì anh định lấy, nhưng tùy theo vận của Từ-Thứ,
mà lâu nay làng thi chịu phục là: Voi, mò, còi, roi, thoi
mà làm. Dứt lời, bác Cao-Hoàng-Ân tiếp liền, chẳng đợi
phút nào cả. Bài thi như vậy:

*Thuyền khơi gió ngược khá nương voi,
Vận thời hầu nên đã thấy mò.
Vườn cúc hôm nay muôn cụm rõ,
Rừng tùng buổi trước một cây còi.
Hồng nương dặm gió chi sồn cánh,
Ngựa ruổi đường hòe há nhọc roi.
Nín nằm chờ qua cơn bí cực,
Thìn lòng chừng có lượng đôi thoi.*

Vừa tiếp bài thi ấy, mấy ông trầm trở chưa hết, kể
gặp vị Đại-Tiên nầy, giảng đề một bài:

*Chiêu tập hôn thi bước Đạo điều,
Non xưa chớp cánh nhận trông theo.
Trời thanh khách gắng lần qua suối,
Đêm rạng trăng soi lướt khỏi đèo.
Mây khỏa đánh Tần màu gió cuộn,
Thuyền khơi sông Bích cánh bướm treo.
Giang-san một dãy nên chung dựng,
Biển cả chi nao ít mái chèo.*

Nhàn-Âm-Đạo

Cách ít lâu, có cô Hớn-Liên-Bạch dẫn đến một vị xin vào ra mắt mấy ông. Gặp nhằm tiết thu, nên mấy ông cậy cô để một bài:

Bi Thu

*Im-lìm cây cỏ vẫn in màu,
Mờ-mệt vườn đào điểm sắc thu.
Gió dấy xao Trời mây cuốn ngọc,
Sương lỏng ướt đất liêu đeo châu.
Ngựa vàng ruổi gió thoi đưa sáng,
Thỏ ngọc trau gương dẫm vẻ lâu.
Non nước đìu-hiu xuân vắng chúa,
Nhìn hoa cảnh úa giục cơn sầu.*

Lục-Nương kinh hiển.

Dứt bài, cô lại tiếp một bài điệu Động-Đình như sau:

*Đầm ấm cảnh Trời mai ác lỗ,
Thơ thối đưa thuyền khổ khách chèo;
Nhấp-nhô lượn sóng khóa lèo,
Luông đông gió tạt cánh bèo ngưng sông.
Một chiếc quạnh bóng hồng nháng ngon,
Mây doanh non tuyết đóng nhành thung;
Về Nam đổ cánh rừng tòng,
Ngút xem tủa áng cây đông khóa rèm.
Đường xúm-xít chị em ruổi bước,
Dắt-dìu nhau kẻ trước người sau;
Tìm nơi hứng giọt mưa dâu,
Để cơn khao-khát khoe màu phù dung.
Đờn nhẩn khách năm cung nhật trôi,
Vệt mây đen gió thổi chiều hôm.*

*Quang-âm ngày tháng dập-dồn,
Ngửa khi trẽ bước hoàng-hôn trở đường.*

*Đường muôn dặm khách đờn thân,
Mượn bóng trăng lâu bước vện chân.
Khóa kín song thu trau hạnh đức,
Chờ khi Đạo trọn đến non thần.*

*Non thần tiếng hạc châu vang đánh,
Chờ rước người ngay chánh tìm đường;
Mơ-màng chưa tỉnh huyện-lương,
Sóng xao biển khổ nên thương khách trần.*

Nghe qua bài văn Động-Đình này, mấy ông khen tặng chẳng cùng.

Xong mấy bài đó, mấy vị khác tiếp vào, để mấy bài Nho như vậy:

Mỹ-Ngọc! Nghe lão:

*Hoành thượng đờn khai chí bách thiên,
Hậu tu chương hiệp khởi tranh liên.
Mật đài khánh nhật khinh hành định,
Cửu tái quang minh đắc cộng niên.*

Mật sự khả kiểm hiều.

Liên-Huê-Tiên

*Diệu thành tâm khởi đức khai truyền,
Đạo thức thời âm tận ký niên.
Thiên mạng lưu hành vô tự đoạt,
Tôn hồi cảm vị khả huyền nhiên.*

Tri thức.

Thăng

*Phổ hóa hoài tâm hạ tác thành,
Hiển khai trực thượng độ nhơn sanh.*

*Bô-đoàn linh diệu cơ huyền mạng,
Tác ái diệt tàng cảm đặc ninh.*

Thăng

Chư vị có ý muốn dạy mấy ổng, nhưng không hiểu chi hết, mấy ổng vây nhau lại bàn như thầy bói, rồi dẹp lại đó, đợi!

Qua lối thượng tuần tháng tám, chú tư và chú tám tôi tiếp đặng mấy lời của cô Vương dạy về Diêu-Trì-Cung:

Trên có Cửu-Thiên Nương-Nương cai quản.

Dưới có chín vị Tiên-Cô.

Cô Vương đây đứng về Thất-Nương, cô Hớn-Liên-Bạch là Bát-Nương, còn bảy vị khác đều có nói tên cả.

Chú tư tôi, nghe đặng lời ấy rất mừng lòng, bèn xin cô chiếu cố đến mấy ổng, dạy cách nào cầu lĩnh Kim-Mẫu đến đặng. Khi ấy, Thất-Nương bèn biểu mấy vị phải trai giải ba ngày, và tìm cho đặng Ngọc-Cơ cầu lĩnh Bà mới đặng. Mấy ổng không hiểu Ngọc-Cơ là chi, chú tư tôi xin cô chỉ dạy. Cô bèn vẽ hình Ngọc-Cơ, rồi giải nghĩa và dẫn rõ căn cội buổi xưa, lấy hình trạng của ngôi sao Bắc-Đẩu mà tạo thành, lại dạy cách phò Ngọc-Cơ cho mấy ổng, và biểu mấy ổng đặt mỗi người một bài thi dự bị. Đoạn chú tư, chú tám tôi và anh Cao-Hoài-Sang vưng lời trai giải ba ngày; và tìm mượn đặng Ngọc-Cơ y theo lời dạy.

Qua đến ngày thứ ba là buổi hẹn hò, lại nhằm tiết Trung-Thu, đúng đêm 14, rạng mặt rằm tháng tám. Ngoài trời thì trăng thanh gió mát; trong nhà chú tư tôi lại dọn dẹp trang hoàng, xem vào có vẻ tinh khiết lắm.

Đúng giờ Tý, thầy đều đủ mặt. Tôi thấy chú tư tôi đã sắp đặt dọn bàn dài, rải bông lá chung quanh, phía trong

bàn ngay chính giữa, để một bộ đồ trà, còn chín vị Tiên-Cô mỗi người một cái tách, sắp vòng theo bàn, hàng giữa dọn những trái cây tươi tốt, ngó vào rất lịch, tựa hình như đãi tiệc, vì chung quanh có chín cái ghế mây. Cuộc cúng nầy mấy ổng gọi là: “Phó yến Diêu-Trì”, đến ngày nay hãy còn noi dấu lễ kỷ-niệm ấy.

Đoạn chú tư tôi đốt hương đèn lên, cả thầy đều quì lạy khẩn vái, rồi đem Ngọc-Cơ ra mà cầu. Thật quả có lĩnh Cửu-Thiên Nương-Nương đến, và đủ chín vị Tiên-Cô, mỗi vị đều giáng cơ chào mừng mấy ổng. Khi ấy, Thất-Nương xin ba ổng đờn, rồi mỗi người ngâm bài thi của mình làm, đặng hiến lễ, còn lĩnh Bà và Cửu Cô an vị mà nghe. Chừng nhập tiệc, Thất-Nương lại mời ba ổng ngồi chung vào cho vui. Cũng tội nghiệp cho mấy ổng, vì e thất lễ nên không dám. Rốt việc, ép uống quá, mấy ổng liệu thế khó chối từ, mới đem ghế thêm, sắp sau lưng chín cái ghế nọ, ba ổng xá rồi ngồi xuống.

Tôi dòm thấy mấy ổng cũng bắt tức cười, nhưng không dám nhích mép, cứ đứng khoanh tay hầu mà thôi.

Cách chừng nửa giờ, chú tư tôi lại tái cầu. Lĩnh Nương-Nương và chín vị Tiên-Cô để lời cảm tạ chẳng cùng, lại hứa rằng: “Từ đây đã có Ngọc-Cơ rồi, thì tiện cho Diêu-Trì-Cung Cửu Cô đến mà dạy việc”. Đêm ấy, mấy ổng thức cho đến 3 giờ khuya mới nghỉ.

Kể từ ngày ấy, bên kia thì chú tư tôi hiệp với chú tám tôi, thường hay cầu Ngọc-Cơ mà học hỏi. Còn bên này, ông thân tôi với anh Cao-Hoài-Sang, thì vẫn còn sai bàn. Cả hai bên hằng đêm, đều có chư Tiên đến dạy văn chương thi phú nhiều điều, như là Động-Đình, Liên-Phong, tôi chưa từng thấy, mà nhứt là chú tư tôi, hay có tánh lục lạo,

hỏi đơn nhiều điển-tích cao xa, và nhiều điều hóa-học bí mật, theo ý tôi tưởng, nếu không phải là bậc Tiên-Thánh thì đâu bậc cao học nào, trong thế gian này, cũng chưa hề thấu đạt.

Lần hồi khi chú tư tôi khỏe thì phò Ngọc-Cơ, lúc mệt lại sai bàn. Một đêm kia, thoát có một vị Đại Tiên đến, không xưng tên chi, cứ lấy ba chữ đầu “A, Ẫ, Ầ” làm hiệu, dìu-dẫn. Ban đầu thì dạy thi phú, điển tích, rồi lần qua việc Đạo, ấy là bên chú tư tôi. Còn bên này, ông thân tôi với anh Cao-Hoài-Sang, một ngày nọ lại tiếp một vị Tiên-Cô nơi Diêu-Tri-Cung, giáng vào bàn xưng là “Thanh-Tâm Tài-Nữ” cho một bài văn điệu “Liên-Phong” như vậy:

*Mượn nguồn đạo-đức khỏa màu trần,
Luyến thế ngày qua khó kịp xuân.
Bến khở trương buồm thuyền đợi khách,
Non tiên trở cánh hạc chờ xuân.

Xuân mờ một bao nhiêu cảnh ử,
Cụm rừng tòng lá xử, tranh sâu.
Biết bao mấy nổi tang dâu,
Bóng trăng kia đã đứng đầu tuổi xanh.

Xanh vàng ngọn cỏ trái mỗ oan,
Oan trái trả vay khách nhộn-nhàng.
Nhàn cảnh mấy ai tìm đến chốn,
Chốn bi-ai luống nhọc-nhàn than.

Than rằng: Côi phù sanh nháy mắt,
Trăm năm đâu biết chắc rủi may.
Đua tranh sánh của so tài,
Của tài phui sạch đường dài thoát qua.

Gắng lo xa*

Tôi thấy mấy ống như vậy, tôi bắt chước. Một bữa chúa nhật kia, ông thân tôi đi khỏi, tôi với em tôi là Nguyễn-Tài-Thân khiêng bàn ra, lối chín giờ ban mai, hai đứa ngồi, cũng úp bốn bàn tay lên, tịnh trí, giây lâu có em tôi nhập về bàn xưng là: “Cao-Quỳnh-Lượng”.

Anh em mừng rỡ nhau, nói nói cười cười, tôi ngụ ý muốn thử coi chơn giả thế nào, tuy tôi đã theo mấy ống lâu rồi, nhưng đức tin chưa trọn; bèn nói với em tôi rằng: “Thầy và chú tư mình, khi ông nội sanh ra, đều có đặt hiệu Mỹ-Ngọc, Bội-Ngọc là vì nội biết chữ Nho. Tới phiên thầy mình sanh ra, phần thì thầy học tinh những chữ Tây không, làm cho cả hai đứa không có chi hết (dốt quá). Em có thể nào, kiếm cho qua một danh-hiệu chăng?”

Em tôi liền dở bàn gỗ, tôi tiếp sắp hai chữ: “Ngươn-Ngọc”. Tôi lại cậy em tôi cắt nghĩa cho tôi rõ, thoảng như có người hỏi đến, mà tôi nói cho thông (cũng sợ người ta chê dốt nữa!). Em tôi liền giải rằng:

“Đời nhà Ngươn có báu vô giá trị.

“Điển-tự: Vua Ngươn khải ca nhiều trận, chư Hầu khiếp vía, Bắc-vương kiên oai, cống sứ cho Trung-Quốc một hạt ngọc-điệp, trong đời ít có. Khi đem phơi ngọc ấy ngoài nắng, tất nhiên chiếu nhiều màu, thiên ám địa hôn; người khát nước, ngậm vào miệng, dường như ngậm búng nước lã, mà hết khát. Còn nhiều điều quý nữa, song kể không hết. Bởi có đó, nên có câu: “Ngươn-Chiêu-Đế hữu bửu ngọc, nay trích trong câu văn ấy, mà lấy hiệu Ngươn-Ngọc”.

Đặt cái hiệu và lời giải ấy, khi ông thân tôi về, tôi thuật lại cho ông nghe. Ông cắt nghĩa rành lại, tôi mới hiểu rõ ràng, cả dòng họ Cao-Quỳnh, danh-hiệu đều do

nơi bộ Ngọc; chừng ấy, tôi mới có chút đức tin, là vì nơi đó. Lại cũng vì những thi, phú, lối, sau nữa ...

Tôi còn nhớ một ít bài, theo điệu văn Liên-Phong, ông thân tôi với anh Cao-Hoài-Sang, tiếp của chư Tiên như vậy:

*Rảnh nợ thế rùng thung vui thú,
Chiều hứng nghe vượn hú chim chiền.
Một ngày thông-thả là Tiên,
Suối trong rửa sạch não phiền trần gian.

Vòng cương-tỏa buộc ràng danh-lợi,
Chốn hí-trường lui tới lãng-xăng.
Phép quan luật nước thúc dần,
Đỉnh chung rót cuộc mơ-màng chiêm bao.

Đâu là thấp đâu cao phẩm thế,
Nhục vinh kia ai để trọn đời.
Cõi trần kiếp sống mấy hơi,
Phủ tay chút đã châu rơi ngọc trâm.

Hỡi ai là khách tri-âm*

H.M.

*Liệu mà day trở bước thang xuân,
Một dặm đường qua Đạo một gần.
Sóng dậy tang thương hồng chích cánh,
Trời điều thường phạt họa đồng cân.

Cân thiêng-liêng chất đồng tội phước,
Gặp thời tua vện được trọng nhân.
Dịp may dễ có mấy lần,
Dò đường đến chốn non Thần mới hay.

Hay biết Đời sao, Đạo lại sao?
Hay gần cửa Thánh bước lần vào.*

*Hay tìm nẻo chánh, tà xa lánh,
Hay tập thanh-cao, chí mới cao.

Cao khôn vói, thấp nào để bước,
Khó mà lần đến được mới mẫu.
Chỉ mảnh rối khá lo âu,
Liệu chơn thoát khỏi vực sâu sau này.*

T.T.T.N. hiển.

*Nhàn du bạch dạ tuyến phong đình,
Âm tăng diệt kỳ chiêu đầu tinh.
Chơn tịch quyền khai thiên vị đắc,
Nhơn bang hữu cộng liệt trần đình.
Rèm gió đêm trăng bóng rạng thình,
Nghêu-ngao non Túy thú riêng mình.
Thu về hứng cảnh đôi bầu cúc,
Hạ đến vui sen mấy tiệc quỳnh.
Nhàn đạo vẫn-vơ theo Nhật-Nguyệt,
Rảnh ngồi chễm-rãi tụng Huỳnh-Đình.
Tranh đua giữ sạch lần phi-thị,
Gặp buổi giang-hồ với chúng-sinh.*

N.A.Đ.

Một bài văn của Quan-Thánh Đế-Quân cho một người Đạo-hữu vì ít biết tiếng Việt-nam, nên xin Ngài cho chữ Langsa:

*L'homme a ses maux, le roseau a ses plaintes,
De ta destinée a pris soin le Créateur,
En te préservant de la vie toutes contraintes,
En semant à tes pas, espoir et non malheur,
A l'horizon loitain, déjà l'astre du jour,
Commence à décliner, ne perds pas de temps,*

*Pour qu' à ce séjour si beureux sois de retour.
Purgatoire accompli et esprit sans tourment,
Prôlant souventes fois les sombres nuages,
A perdre ton éclat, ton étoile est prête,
Mais une main divine à ton avantage,
D'un geste enchanteur dissipe la tempête.
Pour des entreprises lointaines, tu n'es pas fait,
Restes à ton sillon, ton compte est arrêté.
Le bonheur bien conçu n'est-il pas le plus vrai?
Réserve ces faveurs à ta postérité.
Profite de ton présent, fais ta vie à venir,
Répare tes erreurs passées, sois bon père.
Marche vers le chemin de Dieu sans ralentir,
La vie a des ailes, elle n'est qu'éphémère.
Tâche de me comprendre.*

Thăng.

Thuật đến đây, M. Đúc nói rằng: Còn nhiều lắm, nhưng tôi không nhớ hết.

Còn bên chú tư tôi, khi vì Đại-Tiên hiệu A, Ǻ, Ǻ giáng mà dạy Đạo, một ít lâu, bữa nọ, Ngài nói với mấy ổng rằng: Nếu muốn cho Ngài, để tận-tâm truyền đạo-lý, thì thầy đều phải kính Ngài làm “Thầy”, mới tiện bề đối-đãi nhau.

Chú tư tôi nghe vậy, thì lại càng mừng lắm, liền vưng chịu mà thọ giáo với Ngài. Nên từ đây, hễ Ngài có giáng cơ thì cứ xưng là “Thầy”, rồi chào lại “Các con” mà thôi.

Đêm kia, nhằm 24 Décembre 1925, mấy ổng cũng hiệp nhau lại, cầu Ngài mà học Đạo, nhưng Ngài không đến. Một chập lâu, Thất-Nương giáng vào nói rằng: “Rất mừng vui”. Mấy ổng không hiểu chi cả, bèn tiếp hỏi Cô:

“Mừng việc chi?”

Cô trả lời rằng: “Đêm nay là đêm kỷ-niệm của Thầy giáng sanh, trong hai ngàn năm trước, mà khai Thánh-Giáo nơi miền Thái-Tây; nên giờ này, Thầy đương hội chư Phật, Tiên, Thánh, Thần dự lễ, mà không đến đặng cùng mấy anh. Vậy mấy anh nên cầu nguyện cho cả bá tánh, trong đêm lành này, rồi nghỉ. Bữa khác, Thầy sẽ đến dạy việc cần yếu”.

Nghe Thất-Nương nói đến đó, thì hồn vía của mấy ổng đã bay bổng lên mây cả. Nửa mừng, nửa sợ, mừng là mừng vì đặng Chúa Thánh dạy khuyên, còn sợ là sợ nỗi bấy lâu, vì không biết Ngài, mà e lúc trước có nhiều khi thất lễ. Xong việc mấy ổng tan ra, bàn bàn tính tính cho đến canh khuya mới lui nhau về nghỉ.

Qua đêm sau, mấy ổng hiệp lại, lập hương-án (bữa nay áp quỳ lại thầy thầy) cầu Ngài đến. Ngài giáng vào cơ mà chỉ-dẫn:

“Từ buổi Hồng Mông, nhứt khí Hư-vô phân Lưỡng-Nghi, sanh Tứ-Tượng, chia Bát-Quái, rồi mới biến hóa Nhứt, Nguyệt, Tinh-tú và 72 Địa-cầu, mà tạo thành Càn-Khôn Thế-Giái”.

Ngài lại giải rằng, lúc khí Hư-vô sanh Lưỡng-Nghi:

“Dương-khí thăng lên, biến ra Ngài; Âm-khí hạ xuống, biến ra Kim-Mẫu Nương-Nương”.

Nghe đến đó, mấy ổng mới biết Đấng ấy là “Huyền-Khung Cao-Thượng-Đế”, đã tá phạm gian nhiều khi rồi, mà diu Đạo nơi Á-Đông, lại giáng-sanh khai Thánh-Giáo miền Thái-Tây nữa. Nay vì đã rút cuộc tuần hườn, trong cõi Dinh-hoàng, thì giờ đã cùng tận lối Hạ-Ngươn này,

nên Ngài đến hoàng-khai Đại-Đạo, chuyển các Tôn-Giáo lại, mà diu-dẫn lần chót. Ấy cũng bởi Ngài thấy cả sanh-linh, đã lúống theo thể-tinh, mà quên phức nguồn cội.

Trước mặt ba vị: Cao-Quyền-Cư,
Phạm-Công-Tắc,
Cao-Hoài-Sang.

Ngài hỏi rằng: “Thầy muốn dùng các con mà khai Đạo, các con có dám lãnh trọng-nhậm ấy chăng?”

Mấy ống bạch rằng: “Trong các con từ bé chí trưởng, chẳng thông Đạo-lý chi, duy nhờ Đức Chí-Tôn dạy bảo bấy lâu, thì sự biết, chưa đặng trong muôn một, e cho chẳng xứng đáng, mà lãnh trách-nhậm lớn lao ấy”.

Ngài nói rằng: “Chi chi có Thầy gần bên các con, miễn là các con khứng chịu, gắng để trọn tấc lòng, thì chẳng hề chi”.

Mấy ống vưng chịu, và xin Ngài chỉ bảo cách thức, đặng thờ Ngài. Ngài lại dạy mấy ống phải đến ông Phủ Chiêu, là người có thờ Ngài đã lâu rồi; lại dặn mấy ống, chừnng nào đi phải đem theo Ngọc-Cơ, đặng Ngài giảng, mà chỉ dạy thêm trong cách thờ phượng.

Mấy vị vưng mạng lệnh, tìm đến hiệp với ông Phủ Chiêu. Nhưng nghe rằng, ít tháng sau, vì không khứng nạp dụng những Đạo-hữu tới lui rần-rộ, trái tôn-chỉ Đạo của ông, là phải tịnh-dưỡng mà thôi, nên ông Phủ Chiêu thối bước từ buổi ấy.

Lúc-thức đã gần cuối năm, Đức Chí-Tôn lại dạy ba vị, phải ăn chay trước ba ngày, đặng chí đêm 30 tháng Chạp năm nọ là Ất-Sửu, đợi đúng giờ Tý, là đầu ngày của năm Bính-Dần, mỗi người thắp ba cây nhang, ra quì nơi

ngoài Trời, thành tâm khẩn vái, vọng thiên cầu Đạo, và thề rằng: “Nếu chẳng tận-tâm lo vun đắp nền Đạo, thì Ngũ-Lôi tru diệt”. Mấy ống đều vưng chịu, rồi cả thầy đều thi-hành theo lời dạy.

Khi mấy ống khẩn vái xong rồi, thì vào nhà phò loan cầu Ngài, hầu coi có điều chi dạy bảo chăng?

Đức Chí-Tôn giảng dạy như vậy:

Thầy cho các con hiểu rằng: Buổi tạo Thiên lập Địa, Thầy sanh loài người ra, nhằm ngày Dần “Nhân sanh ư Dần”. Vậy từ đây, Thầy dùng các con, làm tay chơn, mà gây dựng nền Chánh-giáo. Lại cũng kể ngày nay là ngày phát khởi nguồn Đại-Đạo, lấy hiệu Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ, còn Ngài thì Tá-danh Cao-Đài Tiên-Ông Đại-Bồ-Tát Ma-Ha-Tát.

Rồi Ngài giải rõ rằng: Trong danh-hiệu của Ngài, gồm đủ Tam-Giáo: Nho, Đạo, Thích. Nên Đại-Đạo Tam-Kỳ khai nhằm giờ Tý, ngày mồng một, năm Bính-Dần là do nơi đó.

Vài ngày sau, Đức Chí-Tôn mới sai chú tư và chú tám tôi vô Chợ-lớn, cũng dạy đem Ngọc-Cơ theo, rồi Ngài giảng mà độ dẫn ông Lê-Văn-Trung, là cựu Hội-Đồng Thượng-Nghị-Viện, rồi lần lần diu tới mấy vị khác nữa.

Cách ít lâu, tôi thấy chú tư và chú tám tôi, nhờ Cơ-bút mà biết nhiều việc cao xa, lại vưng mạng lệnh gây ra mối Đại-Đạo Tam-Kỳ, còn ông thân tôi và anh Cao-Hoài-Sang cũng tiếp theo nghề Đồng-Tử, mà điều-dẫn chúng sanh, trót triệu người nhập-môn cầu Đạo. Đức Chí-Tôn lại định cho chú tư tôi phải xin thôi làm việc; còn chú tám tôi thì xin nghỉ đỡ ít lâu. Cả hai người về trí nơi hướng Đông

miệt Tây-Ninh, mà lo vun đắp nền Thánh-Giáo. Còn phần ông thân tôi và anh Cao-Hoài-Sang thì về miền Tây. Lại có một cặp loan khác nữa là M. Nguyễn-Trung-Hậu và M. Trương-Hữu-Đức, lo việc phổ-độ miệt Trung-ương.

M. Đức thuật đến đây thì tôi liền tiếp hỏi ảnh rằng:

– Nếu vậy thì Đại-Đạo Tam-Kỳ khai ra, là nhờ nơi Cơ-bút, chớ không phải bắt chước ai, theo như lời truyền ngôn của những người công kích Đạo đó sao?

– Không phải đâu! Nguồn cội của Đại-Đạo, do nơi Cơ-bút của mấy ống mà ra. Thậm chí, cho đến kiểu võ áo mào, thước tấc và màu áo của các Chức-sắc mặc, nào là khăn mấy lớp, áo mấy dải, thì cũng tùy Cơ-bút mà thôi, chớ nào ai hiểu biết đặng. Nhưng người muốn kích-bác, trước khi luận việc chi, họ chẳng chịu để tai mắt, xa nghe cận thấy, lại cũng vì lòng ố Đạo, nên hễ họ vừa lóng lời sao khẩu, thì vội bình-phẩm liền. Sơ tâm cho đến thế, mà họ vẫn cứ tưởng mình là cao kiến hơn cả triệu sanh chúng; vậy sao gọi bực lăm-thức tình đời.

Như lúc sau, có mấy vị trong Bát Tiên, đến điu-dắt mấy ống, có để những lời vàng ngọc nầy, anh nghe thử coi thể nào, rồi sẽ luận sự chơn giả:

Đại hỉ chư Đạo-hữu

*Trời đất riêng tay giữ một bầu,
Ngàn mây đậm gió gót chơn thâu.
Rừng thông thông-thả nhàn ra đạo,
Đền ngọc thung-dung rảnh đến châu.
Thoát tục sớm diu nên bầy bạn,
Dẫn phàm nay rảo khắp năm châu.
Thế trần mừng gặp Tam-Kỳ độ,*

Biển khổ thuyền đưa khách lánh sâu.

Lý-Ngưng-Dương

Chư Đạo-hữu may mắn thay, gặp đường Chánh-giáo, chớ dân-dà, trẽ công thiếu quả, mà chẳng đến thang Thiêng-liêng kịp thì hội vị. Lão mong ngày Đạo khai hoàn, chư Đạo-hữu nên gắng sức. Đường cũng chẳng bao xa, miễn hiệp đồng nhứt tâm vì sanh chúng, sau còn ngày gặp-gỡ. Thăng

*Rảo khắp non sông đậm trải qua,
Bì gương nhứt nguyệt tác không già.
Biển trần nay gặp kỳ diu chúng,
Muôn dặm đèn soi đã có ta.*

Hớn-Chung-Ly

Chư Đạo-hữu, Đức Chí-Tôn diu bước, cả Tiên-Phật dẫn đàng, há chẳng sớm lánh phồn hoa, đặng dôi-dào gương độ chúng. Huống chi, chư Đạo-hữu đã có quả nơi mình, lại chẳng vì mạng lịnh Đức Từ-Bi, mà chịu ít lâu khổ hạnh, hầu mong buổi đoạt phẩm-vị Thiêng-liêng sao?

Ước mong ngày hội ngộ, trông mong buổi tạc thù, rượi Thánh ra non dóm thế, cớ Thần dựa đánh luận đời. May thay! Vui thay! Chư Đạo-hữu nên gắng sức! Thăng

*Riêng vui nguyệt chiếu sắc trong ao,
Đền ngọc từng khi để bước vào.
Rảnh hứng trăm hoa khoe Đảnh-Ngự,
Nhàn vẫy mấy bạn dự Bàn-Đào.
Độ đời rảo gót non sông lướt,
Cứu thế diu nhân đạo-đức trau.
Chờ buổi tuần hườn Thiên Địa trở,
Nương gương Thần huệ một vừng cao.*

Lữ-Động-Tân

Hì chư Đạo-hữu, Đạo gặp kỳ phổ-độ, khá biết cái thế thì. Đạo khả trọng, đức năng trau.

Đời đời đổi, Đạo chờ người. Khách tục nường thuyền độ, non Tiên tiếng khánh đưa, gắng nhọc thế lọc-lừa, tìm đường ngay thẳng-rắn. Nguồn rửa bợn nhiều đường cay đắng, bước nâu sòng dậm lấm gay go. Liệu sao khỏi trẻ con đồ, mới thoát vòng khổ hải. Gắng sức vì sanh mạng, lao tâm chớ sợ bởi căn xưa. Đường quanh co, bước khá ngừa; nẻo hiểm trở, chơn nên lánh.

Hậu tái ngộ. Thăng

*Từng vào non Thánh lại đến vàng,
Mãn quả sớm nhờ sắc ngọc ban.
Lần hạc tu tâm thìn nét Đạo,
Biển trần độ chúng vãng con hoàn.
Cuộc cờ chung hứng nơi rừng thẳm,
Bầu rượu riêng vui với cột tàng.
Gặp lúc diu đời qua bến tục,
Để công phải nhọc đến phàm gian.*

Lâm-Thế-Hòa

Hì chư Đạo-hữu, Đạo gặp lối quanh co, khá biết ngừa vực thẳm, gắng sức cho tròn trách-nhậm lớn lao của Đấng Chí-Tôn phú thác.

Chư Đạo-hữu khá biết. Thăng

*Trương kỳ bạch động mộ Tiên gia,
Quả diệu thâu trì tác trí kha.
Lão được độ sanh tiên tự khởi,
Hiển trần tu thức trực ninh tà.*

Ách nước nạn dân, số Trời đọa thế. Vòng vay trả, mới buộc ràng; nếu có tai mắt rộng xa, tự hỏi vì đâu nông-nõi?

Đạo Trời gỡ nạn, chuông Thánh truy hồn, bến khổ vớt khách chìm, non Thần chờ kẻ lạc; mà cũng còn khư khư nắm chắc miếng đỉnh chung, cấp-cúm giữ đầy lòng nhơ bợn. Đạo, Đời đều chẳng trọn, phương chi tìm chốn thoát lao lung. Ngãnh lại cuộc giả của trò đời, mà thương đau cho trẻ đại. Lăn-lăn lựa-lựa, ngần-ngần ngơ-ngờ, đứa trí gạt phường ngu, lũ khôn ăn đám đại. Cười Thăng

Ấy là những lời khuyên Đạo của năm vị Đại-Tiên, làm cho mấy ống thêm lòng tín-ngưỡng, nên để hết sức chung lo, gánh vác nền Đạo. Lăn hồi gầy dựng đặng vãng-vàng, phục tâm đặng nhiều trang có trí-thức rồi, thì chia nhau kẻ giúp việc trong, người lo bề ngoài, mà làm cho đồ sộ thêm nữa.

Lập-bật đã vài năm, tôi mắng lo làm việc, sớm đi tối về, thường thấy ông thân, và bà thân tôi đi phổ-độ hoài, e khi già yếu mỗi mệt; nên tôi mới khuyên lơn ống bả ở nhà nghỉ, hầu dưỡng tinh-thần. Ống lại rầy, và cắt nghĩa cho tôi rõ chút ít về việc Đạo. Ống nói với tôi rằng: “Cốt chỉ họ Cao-Quỳnh ta đây, tuy là lãn-lộn nhiều ít nơi thế mặc dầu, chớ vẫn là người, phải hiến-thân cho Đại-Đạo, dầu cho con ngày sau cũng vậy, con không thấy chú tư con sao? Nay đã giải đường hoạn lộ, đem mảnh hình hài vun đắp nền Đạo, đã lập thành một Tòa Thánh-Tổ; nào là trây gốc ven đường, cất nhà ngang dãy dọc, nơi một miếng rừng 150 mẫu, trước kia cây cối phủ che, mà nay đã gặt thành khoảnh. Lập nên công lớn với Đạo, mà cũng bỏ ích cho Đời nữa! Bây giờ, phận thầy vì mắc ràng buộc thế sự, nên công-quả chưa được toại lòng, thế thì thầy có khứng, nằm ngời nơi nhà, ăn no ngủ kỹ, mà ngắm thế sự

cho đàn đầu. Khi nào con xin nghỉ làm việc ít ngày, thầy sẽ dắt con đến đó, coi cho thấy những công việc đồ-sộ của chú tư con làm, rồi con mới biết cho thầy, công linh như vậy là có chi đâu!”

Nghe ông thân tôi tỏ mấy điều, và cắt nghĩa tình-hình đời cho tôi hiểu, làm cho tôi hết dám ngăn cản ông nữa! Từ đó đến nay, tôi dòm coi ý ông, đã chán-ngán tình đời, ống với bả, đều ăn trường chay, còn việc nhà ít hay quảng tới.

Đó là điều tôi thuật sơ cho nghe mà thôi, còn việc cao xa về Thánh-giáo, tôi không nhớ mà nói cho hết.

Nghe dứt câu chuyện của ảnh, dường như tôi thức tỉnh chiêm bao, mới biết là việc của Trời Đất làm ra, chớ sức người đâu có dựng. Rất đỗi là các Thánh xưa khai Đạo, tôi hằng coi sách có lần nào thanh-hành như buổi nầy đâu. Tuy nghe ảnh nói vậy, song còn muốn thấy hiện-diện, cho biết rõ nguồn cội thêm. Tôi cậy ảnh, nếu chừng nào ông thân ảnh đi, thì xin ảnh dìu-dẫn tôi theo coi thử.

Cách ít lâu, gặp lễ nghỉ đặng ba ngày, ảnh cho tôi hay, rồi để-huê ra đi. Khi đến Tòa-Thánh, M. Đức dắt tôi vào lạy nơi đại điện, đoạn ảnh chỉ mấy cốt thờ nơi Bát-Quái-Đài, mà cắt nghĩa cho tôi nghe: Phía trên có dựng một trái Càn-Khôn có vẽ Thiên-Nhân, và đây những Tinh-tú, ấy là thờ Đấng Tạo-Hóa, chủ quyền chấp-chưởng cả Càn-Khôn Thế-Giới, vì Ngài là vô vi, không có hình ảnh nên không lên cốt. Duy có Thiên-Nhân, tựa ra mà chỉ rằng, Ngài soi khắp mọi nơi, dầu cho đơi vầng Nhật-Nguyệt và các vì Tinh-tú, cho đến các Phật, Tiên, Thánh, Thần cũng trong tay Ngài mà thôi. Tôi lại thấy trong lòng trái Càn-Khôn, có thấp một ngọn đèn, tôi liền hỏi ảnh. Ảnh cắt nghĩa rằng: “Ấy là ánh sáng của Đạo đương khai, cũng

nên gọi là Hồn của cả sanh linh, nơi trái cầu sáu mươi tám nẩy, đứng trong hàng Thất-thập-nhi địa”.

Kể đó, ảnh chỉ các cốt như là:

*Đức Thích-Ca, khai đạo Phật,
Đức Lão-Tử, khai đạo Tiên,
Đức Chúa Jésus Christ, khai đạo Thánh,
Đức Khương-Thái-Công, khai Bảng phong Thần,
Đức Khổng-Phụ-Tử, khai đạo Nho.*

Lại chỉ cốt Đức Phật Quan-Âm Bồ-Tát, Đức Lý-Thái-Bạch và Quan-Thánh Đế-Quân mà nói rằng: “Ấy là ba vị Phật, Tiên, Thánh thay mặt cho Tam-Giáo, diu Đạo kỳ Hạ-ngươn nầy, giúp sức cho Đức Cao-Đài Thượng-Đế, tức là Giáo-Chủ, đứng chủ quyền nền Đại-Đạo Tam-Kỳ. Ngài đủ quyền thiêng-liêng mẫu nhiệm, mà qui nguyên các Tôn-Giáo lại hiệp nhứt mới dựng”.

Ảnh lại chỉ phía dưới hết, có bảy cái ngai, là ngôi vị thiêng-liêng của Đức Giáo-Tông, ba vị Chưởng-Pháp và ba vị Đầu-Sư, thuộc về Nhơn-Đạo. Nhưng sắp ở đó, chớ không ai ngồi, duy có đặng toạ-vị trong mỗi khi Đại-hội Chức-sắc mà thôi.

M. Đức nói rằng: Trong đền thờ, các Đấng ấy là người đã có công khai sáng Đạo, từ buổi tạo Thiên lập Địa đến giờ, hiệp lại mới gọi:

Tam-Giáo là: **Thích
Đạo
Nho**

Mà cũng gồm về:

Ngũ-Chi Đại-Đạo là: **Phật-Đạo,**
Tiên-Đạo,
Thánh-Đạo,
Thần-Đạo,
Nhơn-Đạo.

Viếng nơi Bát-Quái-Đài (đại-diện) rồi ảnh dật tôi trở ra khoảng giữa rộng dài, mà cắt nghĩa với tôi rằng: Đây gọi là Cửu-Trùng-Đài, nơi của Ba-ngàn-một-trăm-mười-hai Chức-sắc. Đăng cấp như vậy:

- 1 vị **Giáo-Tông** (Pape)
- 3 vị **Đầu-Sư** (Cardinaux)
(Archevêques) nhưng có 3 vị Chánh đặng thay mặt cho 3 Đầu-Sư, còn 33 vị kia là Phó.
- 36 vị **Phối-Sư** (Evêques)
- 72 vị **Giáo-Sư** (Prêtre)
- 3000 vị **Giáo-Hữu** (Prêtre)

Cộng là 3112 vị.

Nên Đức Cao-Đài Thượng-Đế gọi là:

Nhứt **Phật**
Tam **Tiên**
Tam-thập-lục **Thánh**
Thất-thập-nhị **Hiển**
Tam thiên **Đồ-đệ**

là vậy đó, cả thầy đều chia ra làm Tam-phái, mặc Thiên-phục ba sắc khác nhau.

Sắc vàng gọi là Thái-Thanh về Phật-giáo,
Sắc xanh gọi là Thượng-Thanh về Tiên-giáo

Sắc đỏ gọi là Ngọc-Thanh về Nho-giáo.

Duy có Đức Giáo-Tông thì mặc áo trắng có thêu Bát-Quái và mào trắng gọi là “Mitre pontificale” mà thôi. Ấy là người làm đầu của 3111 vị kia. Lại còn Lê-Sanh, cũng đủ Tam-phái gọi là: Elèves-Prêtres, nhưng vô số (Nombre illimité) vì chưa đứng vào hàng Chức-sắc.

Coi nơi đó rồi, ảnh dẫn tôi ra phía ngoài xa, thấy hai bên có lầu chuông và lầu trống, lại có thang leo lên, gặp một khoảng rộng-rãi ngay chính giữa, ảnh nói rằng: Đây là Hiệp-Thiên-Đài, Chức-sắc nơi này Chí-Tôn sắp đặt chưa hoàn-toàn, vì Đạo mới khai, nên vào chưa đủ số, duy có 21 vị, đăng-cấp như vậy:

Hộ Pháp

		Thượng Phẩm		Thượng Sanh	
Bảo Học	Bảo Văn	Bảo-Đạo	Bảo-Pháp	Bảo-Thế	Bảo Sanh
Quân	Quân	Hiển-Đạo	Hiển-Pháp	Hiển-Thế	Quân
		Khai-Đạo	Khai-Pháp	Khai-Thế	
Tiếp Lễ	Tiếp-Đạo	Tiếp-Pháp	Tiếp-Thế	Tiếp Y	

Vị Hộ-Pháp là người Chưởng-Quản Hiệp-Thiên-Đài, cũng như vị Giáo-Tông bên Cửu-Trùng-Đài, cốt chỉ để gìn-giữ luật-lệ, và nắm các bí-pháp của Đạo, lại phải bảo-hộ mấy chi dưới kia đặng làm cho tròn phận-sự.

• PHÍA HỮU:

- **Thượng-Phẩm**, là vị để bảo-hộ, sắp đặt phẩm-vị cho cả Đạo-hữu đã nhập-môn, từ Chức-sắc cho đến Tín-đồ, về chi Đạo.
- **Văn-Pháp-Quân**, là vị để bảo-hộ Văn-chương và

Kỹ-nghệ cho cả nền Đạo, về chi Văn- pháp (Arts & Belles-letters)

- **Bảo-Học-Quân**, là vị để bảo-hộ Ty Giáo-dục cho cả nền Đạo, về chi Giáo-huấn.

• **PHÍA TẢ:**

- **Thượng-Sanh**, là vị để bảo-hộ cho cả sanh linh, dạy-dỗ đủ tư-cách đặng đem vào nền Đạo, nếu có điều chi sai trái luật Đạo, thì người lại phải xem-sóc; về chi Thế.
- **Bảo-Sanh-Quân**, là vị để bảo-hộ về khoa Y-dược mà cứu chữa cả Đạo-hữu của nền Đạo, về chi Bảo-sanh.
- **Bảo-Cô-Quân**, là vị để bảo-hộ cho những người cô quả, và trẻ côi cút trong nền Đạo, về chi Bảo-cô.

Ấy là sáu vị làm đầu trong mỗi chi, còn dưới nữa, duy mới có Thập-Nhị-Thời-Quân, chia ra làm ba, và vài vị để giúp các vị Chương-Quản trên kia, như là:

*Bốn vị giúp sức cho Hộ-Pháp,
Bốn vị ----- Thượng-Phẩm,
Bốn vị ----- Thượng-Sanh,
Một vị ----- Văn-Pháp-Quân,
Một vị ----- Bảo-Sanh-Quân,*

sau sẽ còn nhiều nữa.

Mấy Chức-sắc Hiệp-Thiên-Đài kể trên kia là những vị nắm mối giềng cho nền Đạo, cầm đuốc sáng đui đường cho cả thầy, lại là người để lập điều-lệ theo phận-sự của mình cho cả và sanh chúng, nên gọi là “Chơn Thần” của

Đạo. Mấy ông vẫn là người phò-loan (Médiums) tiếp tay những lời Thánh-Giáo của Đức Chí-Tôn, và các Đấng Phật, Tiên, Thánh, Thần trên Bát-Quái-Đài, gọi là “Hồn” của Đạo, rồi giao lại cho Chức-sắc Cửu-Trùng-Đài là những trang hành-chánh và phổ-độ, gọi là “Xác” của Đạo tùy theo đó mà ban hành ra cho cả Đạo-hữu.

Nếu có điều chi sai sót, không hợp với sanh-linh, thì Chức-sắc Cửu-Trùng-Đài cũng có thể gọi lên Hiệp-Thiên-Đài mà xin chấn-chỉnh lại, nhưng cũng phải tìm điều hữu-lý mà biện-bác, mới sửa cải đặng.

M. Cao-Quỳnh-Đức lại giải thêm với tôi rằng:

Trong 21 Chức-sắc Hiệp-Thiên-Đài đã kể trên đây, có hai vị: Thượng-Phẩm và Thượng-Sanh, vẫn là Chức-sắc bên Cửu-Trùng-Đài, sắp vào hàng Chức-sắc Hiệp-Thiên-Đài, đặng bình vực quyền của Chức-sắc Cửu-Trùng-Đài, và cả sanh chúng. Đối với ba vị Chương-Pháp bên Hiệp-Thiên-Đài sắp vào hàng ngũ Cửu-Trùng-Đài, kể dưới Giáo-Tông, hầu có hiện diện, mà bảo-bô vun trồng các luật-lệ của Hộ-Pháp đã giao qua Cửu-Trùng-Đài, mà ban hành ra cho sanh chúng.

Coi xong rồi, bước xuống thang, ảnh dắt tôi ra phía sau Phòng-Văn, trình-diện với mấy ông Chức-sắc lớn, rồi dẫn coi nhiều chỗ khác. Mỗi mỗi đều có cất nghĩa: Nào là cốt Phật Thích-Ca cỡi ngựa, tựa hình lúc ông Cyaca Mouni còn đương kiêm Hoàng-Tử, từ Hoàng-thành tầm Đạo; ấy là trạng-thái lúc khai nguyên Phật-Giáo, lại có cốt ông Sa-Nạt dựng phía sau, nào là Phật Di-Lặc, còn hai bên đường thì có rừng trầy sạch những tạp mộc, chừa lại nhiều cây cao lớn, có tàn che mát-mẻ tốt tươi, gọi là Vườn Thiên Nhiên.

Anh dắt tôi lần-lần ra nhà tịnh, rồi lại trở vòng qua các nhà khác nữa.

Tôi nhắm coi thật minh-mông, ngó đà mỏn mắt, nghĩ cho M. Cao-Quỳnh-Cư, điều đình mà khai phá miếng đất này, đã để công-trình rất dày, mới dựng vậy.

II. PHU THÊ YẾU LUẬN

Tôi đi coi trót buổi mà chưa hết, song tôi thấy M. Đức có hơi mỗi mệt, nên tôi khuyên anh đi nghỉ, còn tôi thì lần hồi trở ra bầu Cà-Na, là chỗ sẽ tạo Động-Đình-Hồ mà coi nữa.

Đi vừa tới khóm rừng, chợt thấy một người đàn ông, một người đàn bà, cả hai trạc lối 26, 27 tuổi, ngồi đầu mặt với nhau mà nói chuyện, nhưng vì khuất cội cây, mà hai người không thấy tôi.

Tôi liền đứng dừng lại, suy nghĩ rằng: Nơi đây là chốn tu-hành, sao lại có việc lén-lút này. Cũng vì tánh hay tọc mạch, nên tôi lóng tai nghe.

Người đàn ông nói: “Qua nghe người ta đồn đã lâu rằng, bà già và em vô Đạo Cao-Đài, nhưng qua cũng có đến kiểm đôi ba lần, mà không gặp mặt”.

Người đàn bà nói: “Phải, từ buổi anh say mê theo đảng điểm, bỏ em lăn-lóc một mình ở nhà quạnh hiu, trót năm trường, em cũng tưởng là chồng không đỏi đến, thì cũng còn cha mẹ anh em, nên ở lại, rán làm cho tròn phận dâu con. Té ra, em để ý dòm coi, chẳng có một người nào thương em cả. Liệu thế chẳng an thân, nên em lạy cha mẹ mà về hấp-hút với mẹ già, đầu cũng dựng vài tháng, ở ăn cũng yên.

Một ngày kia, em đang xách nước, thành-linh xây-xảm mày mặt, phát nóng lạnh vài ngày, rồi mất trí luôn. Lúc ấy, em chẳng còn biết chi hết. Sau khi mạnh, em nghe bà già thuật chuyện lại rằng: Buổi nọ, em điên cho đến đôi

xé quần, xé áo, song cũng may, sao em không nói chi bây bạ, duy cứ lay hoài mà thôi, còn ăn uống, thì nhiều hơn mọi khi, nhưng chẳng chịu hơi cá thịt, cứ ăn rỗng những tương chao, rau muối cho đến ngày nay. Khi đó, bà già thấy em như vậy, thì đau lòng, rước nào là bóng, chàng; thầy pháp, thầy phù gì thôi đã đủ. Kể nói đau ma, người rằng mắc quỷ, lập đàn chuyên chữa rộn-ràng, trót mấy tháng, không nên chi cả, rốt cuộc tiền mất tật còn. Sau lại, nhờ có mấy ông trong Đại-Đạo, hết lòng cầu khẩn; lớp thì truyền điển, người thì vái bông, cho uống nước Thánh, chưa đầy ba ngày mà bệnh căn đã lần lần thuyên giảm. Lúc ấy trong nhà thì nghèo, lại cũng có thiếu chút ít của người ta, vì lúc chạy thầy cho em, thiếu sức nên buộc bà già phải vay hỏi, song cũng nhờ mấy ông, kể nhiều người ít, góp nhóp đầu đặnng vài chục đồng. Với tiền ấy, bà già đem trả cho người ta, còn dư bao nhiêu thì làm sở phí, chở em lên đến đây ở dưỡng bệnh. Mấy ông lại cho thuốc men uống, không ăn tiền bạc chi, trong mười ngày thì em bình-phục lại như xưa. Từ ấy đến nay, mẹ con ở luôn nơi đây, lo công-quả mà bồi đáp ân-huệ đã rưới ban của Trời Phật”.

Chừng nói đến đó, tôi mới biết là hai vợ chồng, vì việc gia-đình nên phải cách bức nhau, nay mới gặp mặt đặnng. Tôi lại nghe người chồng tiếp rằng:

“Nay em đã mạnh rồi, còn ở chi nơi đây. Vậy việc qua lỗ chơi bồi, biết là sự quấy, qua đã ăn-năn nên mới kiếm đem em về. Em bằng lòng chẳng?”

Vợ: – Ấy là một điều rất khó tính, vì em đã ngán-ngẫm tuồng đời. Việc vợ chồng, tuy anh để ý phụ em, chớ em vẫn giữ tròn bốn phận làm vợ. Từ ngày em về với anh, đã biết rằng chẳng có cưới hỏi chi, song ở cùng nhau đã

mấy năm dư, trên em giữ lòng kính thờ cha mẹ, dưới lo phụng-sự cho chồng. Em cũng chán biết, phận em chịu nhiều nỗi đắng cay, nội nhà đều giữ Đạo Thiên-Chúa, duy có sót một mình em là người ngoại. Em vẫn biết Đạo nào cũng vậy, cứ dạy việc hiền lành đạo-đức, ngặt vì em còn cha mẹ già yếu, lại tùng theo Nho-Giáo, nên em không nỡ bỏ mà theo Đạo của anh. Bởi cố ấy, nên tuy là vợ chồng thương nhau, mà cha mẹ, anh chị lại chẳng khứng cho anh ở với em, hằng ngày xô đuổi, coi em như cỏ rác, thị như Mên-man, mọi-rợ; đối-đãi với em chẳng khác chi với kẻ thù nghịch, lại dày đọa em quá lẽ! Nhưng đã lỡ việc vợ chồng, không lẽ một lần đạp cứt, rồi phải chặt chơn, nên em rán chịu đã mấy năm khốn-khổ.

Anh còn nhớ, lúc ông già em quá vãng, em lay cha mẹ xin về chịu tang, và đưa ông lên đàng. Cha mẹ nằng-nặng quyết một không cho, lại nói rằng; em muốn về đặnng lay thầy ma thúi sao? Anh nghĩ coi, cha mẹ đã lắm chịu nhọc-nhăn sanh em ra nâng-niủ từ bé chí trưởng, biết bao nhiêu công cán. Theo phong hóa nhà Nam ta, đã mấy ngàn năm giữ gốc Nho-Gia, sự vong như sự tồn, dầu mất dầu còn cũng kính thờ như một. Hướng chi Thánh, Thần đâu chẳng biết, duy trước mắt em vẫn thấy, cha là Trời, mẹ là biển. Nay cha đã thác, dầu ơn sinh dưỡng, mà đối với một vài lay đưa lên đường, há tiếc hay sao?

Vì em thắm nghĩ như vậy, nên năn-nỉ khẩn cầu hết lời, tuy là cha mẹ cho đi, nhưng trong ý, không chút nào ưng chịu. Từ ngày em lo việc tống táng ông già em xong, trở về cho đến sau, thân em lại càng khốn cùng hơn nữa! Song đã thương chồng, nên em đành chữ làm thinh, mà gắng chịu đắng cay từ ấy.

Bởi các cố ấy, đầu cho em còn xét chút nghĩa vợ chồng, cũng khó nổi về với anh cho tiện. Một là vì em đã khấn vái với Trời Phật, mà nhập-môn cầu Đạo, nay chẳng lẽ em bán-đồ nhi-phế? Hai là nay bà già em tuổi đã cao, mà lại góa bụa, không còn con cái chi khác hơn là em nữa! Nên bổn-phận em là con, phải vì tình chất-chiu khi bé thơ, mà ở vậy hủ-hỉ với mẹ già, hầu thủ hiếu cho đến ngày lâm chung của bà. Đã vậy, phần em lại ăn trường chay, cũng là một điều rất khó cho em về chung cùng với anh đặng.

Chồng: – Em khéo nghe lời họ, chuyện gì thì chẳng nói làm chi, chớ việc ăn chay, là điều thúc-xác. Theo như Đạo của qua, ấy là trái hẳn với Trời Đất. Vì Tạo-hóa đã sanh vật ra mà dưỡng nhơn, lại chẳng chịu dùng, bo-bo mà ăn những thảo-mộc, là chất không bổ-dưỡng xác thịt của ta, thì phải mau chết. Mà chết vậy, lại có tội thảo-trúc không chịu ở thế-gian, càng phải sa vào Địa-ngục.

Vợ: – Em là phận nữ-nhi, tuy có học Nho chút ít hơi thuở nhỏ, có biết chi cho lắm. Nhưng nghe mấy ông lớn trong Đại-Đạo Tam-Kỳ giải về việc ăn chay, tuy em không hiểu cho hết, chớ cũng còn để ý chút ít, sơ-lược như vậy: Các sanh vật của Tạo-Đoan đã biến hóa ra, đều có sự hằng sống, cũng như loài người, nhưng khác nhau là vì mình đứng về hàng thứ ba trong tam tài: “Thiên, Địa, Nhơn”. Người nhờ hưởng đặng khí huyết tinh-tấn trong sạch nên trí não thông minh, biết nói, biết luận và biết nhiều điều khôn ngoan hơn cầm thú. Còn sanh vật lại khác hơn ta là do nơi chất, nên trí não chẳng có, ngu muội, dữ-dần, thô kịch. Nếu ta đem máu huyết ô trược của nó mà chan vào với sự trong sạch của ta, thì chẳng khác chi lấy bùn mà bỏ vào một ly nước trong, lẫn hồi một khi một ít. Rốt lại, thì

nước ấy trở nên đục đen. Em chỉ sợ cho anh thấy, những sanh vật có sự độc, mà ta vẫn thấy rõ-ràng, như con cá rô, ăn vào thì ho và nhức mũi. Con cua đinh, làm cho nổi đờn phung; và nhiều thú khác nữa... Huống chi heo bò, vẫn có chất khác với người, tuy cái độc của nó không hại ta hiện thời, mà nó vẫn làm cho ta sanh ra đau đớn về sau xa nữa. Lại trong các thú rừng, có nhiều con dữ dữ, ăn vào lần lần thân thể ta đều truyền-nhiễm các chất trược của nó. Bởi cố, nên chất thú pha với chất người, mà làm cho người phải hóa ra hung tợn, mất cả chất Thánh của Tạo-hóa sanh, mới làm ra những điều tàn bạo ghét lẫn nhau, giành-giặt nhau, cho đến giết nhau, và làm những điều tối phong bại tục. Ấy mới trái hẳn với Tạo-đoan, là Đấng Háo-sanh, ưa sự sống mới biến hóa sanh-linh. Nay vì người lầm-lạc mà hại lẫn nhau, nên Ngài mới khai Đại-Đạo đặng bảo tồn nhơn vật. Huống chi xưa, buổi tạo Thiên lập Địa mấy ngàn năm đầu, các Thánh-Hiền trước nào có ăn sanh vật. Nếu như lời của anh rằng: “Ăn chay là ép xác mà chết mau”, sao những người xưa cứ dùng lê hoác mà sống trên vài trăm tuổi; mà lại sách vở, hãy còn ràng-ràng rằng: “Người bày biện ra mà dùng sanh vật, phát khởi sau vua Thần-Nông mà thôi”.

Anh lại nói rằng: “Thảo-mộc là vật-chất không nuôi nấng tinh-thần” thì cũng còn một điều rất lầm-lạc; là vì buổi xưa kia, các bậc Thánh-Hiền, để hết trí não, tìm kiếm phương-châm, đặng cứu sanh-linh, vì đem chất thú vào mình, mà nảy sanh ra bệnh hoạn, thì phần nhiều lại dùng cỏ cây mà làm thuốc. Cho đến hiện thời, các nhà Hiên-Triết về Y-Khoa toàn trong hoàn-cầu đều noi theo đó mà bào chế ra những Y-Dược mà trị bệnh; thì tất nhiên, thảo-mộc là vật rất quý báu, để bổ dưỡng và phục nguyên thân

thể loài người chớ!

Nếu có thể, bớt ăn sanh vật, là một phương tránh đặng sự bệnh hoạn xảy ra một ít. Còn dùng toàn lê hoác, chẳng khác nào ta ngăn ngừa bệnh trước. Người đã không đau ốm, vật lại khỏi bị sát hại; ấy chẳng phải là điều hữu ích chung cho cả hai bên, nhơn và vật sao?

Chông: – Ấy là điều họ nói ma-ma, phật-phật, có chi gọi là hiển nhiên, em khéo nghe lời họ mà chi. Họ kiểm tích kia truyện nọ rồi bày ra thờ phượng bụt thần, cũng là một điều sai. Theo Đạo của qua, duy có thờ một Đấng, Đức Chúa Trời mà thôi!

Vợ: – Việc ấy em chẳng cãi, nhưng em thấy trong Đại-Đạo Tam-Kỳ, trên thờ Đức Cao-Đài, là Chúa cả Càn-Khôn. Còn theo Thánh-Giáo, thì gọi là Đức Chúa Trời, vẫn cũng là một Đấng ấy. Dưới thì thờ mấy Đấng đã ra công khai các Tôn-Giáo buổi xưa, đều là: Phật, Tiên, Thánh, Thần. Trong số ấy, có Đức Giáo-Chủ Jésus Christ, là Chơn-linh của Đấng Tạo-Hóa, thai xác phàm dừ Đạo Thánh miền Âu-Châu, và cũng có Đức Khổng-Phu-Tử, là người đã khai Nho-giáo (Nhơn-đạo).

Ngài cũng là một vị Giáo-Chủ. Các Đấng đã thờ nơi Bát-Quái-Đài, đều có công lớn với đời, nên tên tuổi vẫn còn lưu truyền, nơi sử xanh bia tạc. Trong hoàn cầu, còn ai là chẳng biết nữa! Thấy đều dịu lành cái dừ cho sanh linh, thì cái ân-huệ ấy, chẳng đáng cho ta thờ phượng và kính lạy sao? Huống chi trong nền Đạo Thánh, em có thấy thờ đủ các Thánh Âu-Châu, thì cũng chẳng phải là việc ắt thờ có một Đấng Đức Chúa Trời mà thôi đâu!

Chông: – Còn việc lạy nữa, theo qua thì duy có lạy Đức

Chúa Trời và người sống mà thôi, chẳng nên lạy bụt thần và những người chết.

Vợ: – Điều ấy, anh luận rất sai lầm. Anh có hiểu lạy là chi không, mà vội bàn như vậy? Để em kiểm một ít lời em còn nhớ mấy ống giải-nghĩa, mà thuật lại cho anh nghe:

Lạy hay là chào, đều là sự kính nơi lòng, phô bày ra ngoài, cho thấy cái hình-trạng, nhưng tùy sự trọng kính, cao thấp, thì cái lạy ấy, dẫu với ai làm cũng đặng cả. Thí dụ như, theo phong-tục người Âu, nếu kính nhau, như trọng, thì quỳ gối cúi đầu; còn thường thì đỡ nón, ngang vai lại nắm tay dục-dặt. Theo Annam ta, hễ trọng kính thì lạy, vừa vừa thì xá và cúi đầu. Còn Chà-và và Cao-mên, nếu gặp người trưởng thượng, thì mọp dài xuống đất, bất kể là nơi nào. Ấy là phong-tục của mỗi nước khác nhau. Nếu Annam ta, mà cấm lạy các Thần, Thánh, Tiên, Phật, thì làm thế nào tỏ sự kính của họ đối với các Đấng Thiêng-Liêng ấy đặng? Còn các xác chết, dẫu cho có lạy, thì cũng là lạy cái vong-linh; mà dẫu cho lạy xác chết, thì lại tội chi sao? Cho đến đôi, nắn hình đất, sành, cây kia, cũng còn có thể lạy xá đặng, hà tất chi cái xác chết ấy, trước đã là ông bà, cha mẹ, cô bác của ta, ta vẫn nhờ có xác đó, mới hóa sanh ra xác nầy. Nếu ta vội quên cái ân thâm nghĩa trọng của xác ấy, thì cái xác của mình đây mới liệu thế nào? Dẫu luận cho tốt lý, thì bất quá là cái xác của con cháu, lạy cái xác của ông bà cha mẹ, chớ có chi đâu mà từ chối. Lại nếu không cho lạy xác chết, vì nghĩ rằng, đã thành ra ma quỷ, lại thêm một điều sái hãn nữa! Là đến chừng nào tới phiên mình chết, thì cũng vậy, con cháu của mình cũng cho mình là tà quái, truyền tử lưu tôn như thế, thì tu-hành làm chi, mà rốt kiếp cũng hóa ra tà mị. Nếu như

thật ắt vậy, thì thà là đừng giữ Đạo, hầu khỏi bị con cháu ngày sau khi dễ. Hưởng chi, phong hóa nước nhà vẫn đã có sẵn tư-cách như vậy:

– Một mình Đức Chí-Tôn, là Đấng tạo thành Càn-Khôn thế giới, đứng về Thập-Nhị Khai-Thiên. Lại trong tay Ngài, nắm Thập-Nhị-Thời-Thần, thì số 12 là số riêng của Ngài, tất nhiên, ta phải lạy Ngài 12 lạy.

– Các Đấng Phật, Tiên hay về Cửu-Thiên Khai-Hóa, đứng vào hàng Cửu-phẩm. Ấy vậy, số 9 lại là phần riêng của chư Phật Tiên, thì ta lạy các Ngài 9 lạy.

– Các bậc Thánh, Thần vẫn đứng về Tam-phẩm nơi Thiên-đình, thì số 3 là số riêng của bậc Thánh Thần, thì ta lạy các Ngài 3 lạy.

– Người trưởng thượng trong phàm gian, vì còn thọ khí Âm-dương, mà hưởng sự sống nơi thế-trần, thì ta lạy 2 lạy. Hai lạy ấy, tất là một lạy Trời, một lạy Đất, chớ người chưa hưởng đặng lạy nào cả.

– Bậc nhơn-phẩm đã thác thì ta phải lạy 4 lạy. Nghĩa là, một lạy Trời, một lạy Đất, còn vong hồn của người, duy có hưởng 2 lạy mà thôi.

Ấy cũng là một vẻ phân biệt về Lễ, rất có trật-tự, thì nào phải là điều lộn-xộn đâu, mà ta mờ hồ, để bàn luận đến việc kẻ lạy người không, cho mất niềm hòa khí, lại sanh ra lễ khi dễ Thánh Thần?

Em lại hằng thấy những người Âu-Châu, mỗi khi đi ngang một đám xác, bắt câu là sang hay hèn gì, đều dờ nón cúi đầu chào, ấy là người tỏ lòng thương mến và kính cái xác chết chớ gì, nếu người cho là ma quỷ, thì đã lánh xa trước, lẽ nào lại thi lễ! Theo như lời của anh nói, em

chưa ắt là phải, vì em rõ biết, Đức Giáo-Chủ Jésus Christ có để lời sấm truyền rằng: “Bây phải kính thờ cha mẹ bây” (Adorer vos parents), dầu sự vong như sự tồn cũng là một điều rất chánh đáng, ai ai cũng rõ biết cả.

Chông: – Con nhỏ nầy kỳ quá, qua nói phải trái cho em nghe rồi em muốn kích-bác qua, lại chịu nghe theo họ. Em nghĩ coi, trong hoàn-cầu thiếu chi là Đạo, lại bày đặt làm gì nữa cho rộn tang.

Vợ: – Phải, em đâu cãi anh. Các Đạo như trong Ngũ-Chi Đại-Đạo, của em đã nói hồi nãy, đều là Chánh-giáo cả, thầy đều dạy làm lành lánh dữ, tránh dạy theo ngay, là buổi mới sơ khai của mỗi Đạo mà thôi. Những sanh linh nào hiện thời trong lúc ấy, thì còn giữ-gìn lời Thánh-Giáo, mới thọ hưởng thái-bình. Lần lần, một vài trăm năm sau, nhằm thời kỳ khác, tất nhiên nhơn sanh cũng khác, đã xa lời truyền dạy, đâu có thấu đáo cái nhiệm-mâu của Đạo. Mỗi ông có trí-thức, tùy ý của mình, bày chế ra một cách, hoặc đặng câu danh, hoặc để thủ lợi. Đạo thì chánh, mà vì người sửa cải ra lần lần mà phải hư hoại, cho đến đổi chánh trở nên tà. Thí-dụ như: Phật-Giáo xưa kia, có dạy đi làm đám đặng lấy tiền công-đức, hoặc làm đồ mã, đốt như bây giờ được đâu? Còn những bí-pháp của Tiên-gia, chẳng phải để làm chuyện giả ngộ như bọn Tả-đạo bày ra, ngồi nghinh xiêng quay gọi rằng trị tà, như thầy pháp vậy? Nho-giáo xưa hằng dạy người giữ luân-lý, tam-cang, ngũ-thường, theo như lời các Thánh roi truyền chỉ-dẫn, mà nào có biểu, trung với vua mình, rồi dùng sức mạnh hiếp thế yếu, gây ra việc đồ khổ cho nhơn sanh? Còn hiểu thảo, cũng chẳng phải biểu ta dối trá, gạt gẫm người, hoặc giết người, giựt của về nuôi cha mẹ?

Mà hiện thời, anh đã thấy rõ-ràng, ứng-chứng ngày nay trên thế-giới này, đều như vậy cả. Cho nên các Đạo vì nơi lấm-lạc ấy, mà thành ra điều kích-bác gây lẫn nhau; cũng vì vậy mà sanh linh phải đổ máu, chém giết nhau, chẳng biết bao nhiêu sanh mạng rồi, thậm chí cho đến người một sắc da, mà coi nhau như thù nghịch, thì còn chi gọi là Đạo? Bao làm sao mà Tạo-hóa không lo hoảng khai Đại-Đạo, qui Tam-Giáo, hiệp Ngũ-Chi, chuyển kỳ Hạ-ngươn là lối chót này, mà sắp đặt cho nhưn quần xã-hội cả hoàn-cầu, dạy phải biết thương yêu nhau, đìu-dắt nhau, chẳng luận là sắc dân nào, cũng đều là con cái của Ngài cả thấy; thậm chí cho đến sanh vật chót hết là côn trùng, Ngài cũng muốn cho ta chẳng nên ỷ khôn ngoan mà hiếp lẫn nó, vì chúng nó cũng thọ sanh như ta. Đặng vậy, mới xứng đáng phận làm người của Tạo-hóa ban ân cho, mà làm anh cả các loài vật. Ấy là tôn-chỉ của Đại-Đạo Tam-Kỳ đương lúc này, muốn đìu sanh chúng, kết dây liên-ái mà thọ hưởng hòa-bình đó.

Em nói cho cùng lời, là nếu sức phạm của người, mà cái quá lập Đạo kỳ này, mà cũng còn theo như làm sái tôn-chỉ trước, thì Đức Chí-Tôn chẳng hề ngồi yên, mà ngó sự tiêu-diệt, trong buổi Hạ-ngươn này; thế nào cũng phải điều-đinh một Đạo khác, cho sanh-linh đặng hưởng sự yên tịnh, mới nhằm Thánh-lý của Ngài, là một Đấng háo-sanh, ưa sống, chớ chẳng chịu giết lẫn nhau.

Chồng: – *Em nghe lóm những lời của họ bày bịa ra mà dụ người, rồi hô lên Đạo! Đạo! Chớ Đạo là gì? Em tưởng hề có Đạo mới sống, còn không Đạo như những người chẳng biết kia rồi chết hay sao?*

Vợ: – Nếu anh nói vậy lại sai lầm hơn nữa! Đạo là

một điều rất nhiệm mầu huyền-bí cao xa, em chẳng hiểu cho thấu đáo, mà nói cho cùng tốt cho anh nghe. Mà dẫu cho bậc nào, trong thế-gian này, là cao thượng hơn hết, cũng khó giải cho tất lý.

Em chẳng nói chi cho lắm, nhưng anh phải hiểu rằng: Dẫu cho Trời Đất, hay là chi chi trong Càn-Khôn thế giới này, cũng là nơi Đạo mà biến hóa ra. Nếu chẳng có Đạo, thì chẳng hề có mây mù gì trước mắt hết. Ấy là em nói sơ việc huyền-bí, là điều em không rõ ắt, nhưng tùy theo sách vở của các Đấng Hiên-Triết xưa để lại.

Còn nói chi việc hiện tại trong trái cầu này: Bốn phận làm người rất khó, nếu vô đạo, thì đâu có phải là bậc nhưn-phẩm, mà có thể nào bền vững đặng.

Thí dụ như:

– Đứng vào hàng vua chúa, lòng chẳng khoan hòa, coi thân dân như cỏ rác, đắm mê tửu sắc, chẳng quản đến nước nhà, là vua vô đạo, ưa nịnh xa trung, không nghe theo lời đoan-chánh của tôi con, lại chịu những sự nịnh hòa của tà-mị, tức nhiên phải ngựa nghiêng xā tắc, hư hại giang-san, rớt rồi lôi cuốn những điều tàn, mà gây cho đoàn con dân phải chịu bần than khổ sở.

– Làm quan, trên chẳng trọn lòng thờ chúa, dưới chẳng hết dạ thương dân, dua mị theo lũ nịnh tà, hầu lấy quyền to hiếp chúng. Đã chẳng lo đến ơn chúa, lại không thái độ trị dân, kiếm chước thâu đoạt của người, lần lần rồi gây cho con dân thán oán, mà làm loạn cho nước: Ấy là tham quan ô lại, tất là vô đạo.

– Dân vô đạo, thì chẳng biết đến quốc-vương thủy thổ, không kiêng sợ luật nước nhà, mà hóa sanh ra điều

trộm cướp, tàn nhẫn hại nhau, nhiễu loạn cả sanh linh, lần lần hiệp nhau cho có sức, gây vương đồ bá, cướp giựt ngôi vua mà sanh rối cho nước.

– Vợ chồng ở với nhau vô đạo, chồng thì từ điếm trà đình, ưa theo phóng đảng, chẳng quản đến tình nhà, bỏ vợ bỏ con dói rách, việc hư nên của gia-đình không thấu đáo, chẳng diu vợ, dạy con, theo đường ngay nẻo thẳng, thiếu đức kém hạnh. Vì nơi vô đạo ấy, mà buộc vợ phải gây thêm rối, không biết nể chồng, lần lần sanh ra cờ bạc, bỏ lương bổng phận đờn bà là tể gia nội trợ, chẳng còn giữ tiết trinh, hết tưởng đến phận nưng khăn sửa táp. Rối rồi, phải hư-hoại gia đình, cũng là đều vô đạo.

– Phận làm con, chẳng kính thờ cha mẹ, quên ơn dưỡng-dục, bỏ nghĩa sanh-thành, lời dạy-dỗ chẳng nghe, quen theo đoàn du đảng, khi thị cô bác, không tưởng đến cậu dì, làm cho hư hoại tông môn, ấy là con ngỗ-nghịch, tức là trái đạo làm con.

– Anh em ở với nhau vô đạo, là chẳng tưởng tình máu thịt, lớn không diu nhỏ; nhỏ nghịch với lớn, chẳng biết thương nhau, lần hồi mất niềm huynh-đệ, sanh việc loạn dâm, anh chồng em dâu, hóa ra thù nghịch, mà chém giết nhau, làm cho nhục-nhã tổ tiên, vậy là vô đạo.

– Chủ ở với tớ vô đạo, là chẳng giữ phận bề trên, tham công tiếc việc, không xét cực nhọc của tớ, làm cho tớ chẳng phục lòng, mà hóa ra những điều ngoan ngạnh với chủ, thì chẳng khác nào ép cho tớ làm trái phận sự. Ít lâu rồi tớ không vâng mạng chủ, ấy mới gọi là tớ phản tâm, mà mang chữ tớ vô đạo.

Đó là em luận sơ điều vô đạo của người, mà làm ra hư hoại cho cả nước, cả dân. Tuy là về Nhân-Đạo, ai

cũng cho là thế tình đời, nhưng cũng có ảnh-hưởng hiệp về Thiên-Đạo. Nên phận làm người muốn cho tròn, phải biết mượn Đời giới Đạo, lấy Đạo diu Đời, cả hai nương nhau mà đi cho có cặp mới đặn.

Bởi cơ cho nên, buổi ban sơ của Trời Đất có rối, thì hóa sanh các vật trước, chừng sanh ra loài người, thì Đấng Tạo-Đoan phải khai Đạo, mà diu-dẫn cả nhơn vật, tức là con cái của Ngài cả thảy.

Khi mang lốt phạm vào rối, thì chẳng khác nào kẻ mù tối. Lớn khôn lên, vừa đủ trí-hóa, trước mắt duy có thấy điều tranh danh đoạt lợi, vật quý phẩm cao, rất phù hợp với thường tình, áp nhau giành-giựt cho đến giết lẫn nhau, đành quên phúc cái nhơn-phẩm của mình, một chủ khách, đến đây đặn bồi đáp sự trả vay cho nhau. Rối cái đời của người, thế cũng chẳng quá trăm năm, nào khác giốc chiêm bao, nghèo cũng thế mà sang cũng thế! Buổi chung qui, cứ nắm hai tay không, cao dường bao, thấp cũng dường bao! Linh-hồn cứ đến Tòa phán xét, cân tội với phước mà định đoạt; hoặc phải chịu luân-hồi chuyển kiếp, hoặc hưởng sự an-nhàn vui vẻ thiêng-liêng. Té ra, cái giàu sang của ta, đã làm quấy nơi thế trần này mà có ra, chẳng hề theo mà chuộc tội cho ta! Lại còn đồng xác trợ trợ, dầu cho ai găm cũng như ai, vùi nơi nắm đất, dầu tốt dầu không, lâu rồi cũng ra đám mồ oan cổ lạnh, nằm nơi đồng trống sương gieo, thỏ lặn ác tà, đồ ai tránh khỏi. Thế cũng chẳng nên giành giựt mà chi, rồi phải vay thêm cho vun đóng, lần kẻ nghèo hèn, phải ra thân dói lạnh, làm cho trái với Tạo-Hóa là một Đấng Từ-Bi, buổi này là cùng tận, mà hãy còn lo phương cứu thế.

Vì thương nhơn loại, nên từ xưa những nay, mỗi khi

trong nước nào, vì sự hiếp lẫn nhau mà khởi loạn, thì chính mình Ngài đến mà khai Đạo, hoặc sai các Tiên-Phật thai phàm mà mở các Tôn-Giáo, hầu làm cho yên tịnh, nhưng cũng chưa hề thấy đặng sự hòa-bình cho sanh chúng giờ phút nào cả.

Ấy vậy, Đạo nghĩa là một con đường ngay thẳng (la Vérité) của Tạo-hóa khai ra cho các Chơn linh đã mang xác phàm nầy, noi theo sự chơn thật hiển lành mà thủ cái vai tuồng của ta, đã lãnh chịu trước mặt Ngài, mà đến trong cõi dinh hoàn nầy, làm xong phận sự rồi, buổi chung quy mới có thể noi theo nấc thang cao hơn, cũng trong con đường ấy, mà hội diện với Ngài, nhưng cũng tùy theo việc làm nặng nhẹ, phải chăng nơi đây, mới sắp theo đẳng cấp: Phật, Tiên, Thánh, Thần mà thọ ban trong khi tới trước mặt Ngài mà phụng mạng. Ấy là tôn-chỉ các Đạo đã khai ra từ thỉ tới chung, đặng dìu dẫn sanh-linh.

Còn những trang đã lãnh mạng Trời đến đây, tuy cũng làm tròn phận sự, nhưng có gây ra những điều phải vay vay trả trả, chùng buổi lâm chung so tội phước mà định, rồi tùy đẳng cấp nơi trần nầy, mà luân-hồi trở lại, phước nhiều thì làm quan, làm giàu; ít phước thì lãnh bực thường nhân, phải chịu cay đắng, mà trả cho nhau cho đến lúc xong, rồi cũng phải tu tâm dưỡng tánh, mới trông thoát khỏi nơi vòng chuyển kiếp. Lại những kẻ đã đến đây, làm trái hơn phẩm, thì còn nói chi. Buổi thác cũng đến Tòa phán xét mà chịu xử đoán, rồi rồi thì lộn trở xuống, mà chuyển ra cầm thú, hoặc phải mất cả chơn-linh, mà biến sanh ra côn trùng, thảo mộc rồi ra công tu luyện ngàn năm, may mà đắc quả, mới trông lên tới bậc người. Là việc công bình của Trời Đất đã phân định, ấy mới rõ

Tạo-hóa là một Đấng cầm cân thiêng-liêng.

Cho nên, em nói rằng: Đạo vẫn thiết nhiệm mầu cao xa khó giải là vậy đó.

Chông: – Tuy là em nói vậy, chớ qua chẳng hề tin chút nào, vì là điều không thấy hiển nhiên, bây giờ sống ở nơi đây, ăn theo đây, làm theo đây, biết kịp người hay chưa, huống chi phải tính việc cao xa, đều là hư thiệt không ắt, mà qua vẫn thấy họ bày điều mộng mị như: Các Đạo đều thờ hình ảnh Phật, Tiên, Thánh, hay là viết chữ. Còn Đạo Cao-Đài, sao lại thờ có một con mắt là ý chi vậy?

Vợ: – Anh hỏi thì em nói ngay, nhưng sự biết của em rất hẹp hòi, vì nghe mấy ống Thuyết Đạo, bốn Đạo đến nghe thì đồng, làm cho em phân giải, duy có đứng xa xa phía ngoài, nghe lóm mà thôi, vậy để em luận sơ cho anh nghe:

Con mắt ấy, là của Đấng Tạo-Hóa, nên gọi là Thiên-Nhãn. Vì Ngài không có hình ảnh chi đến tại thế cho ta thấy; nên phải tựa con mắt ra mà thờ, ảnh hưởng chỉ về: Ngài là Đấng Chúa cả Càn-Khôn thể giải, tức là mắt Ngài soi khắp mọi nơi, nên thế tình hăng ví câu: “Hoàng-thiên hữu nhãn”, nghĩa là Trời có mắt là vậy đó! Nếu ta muốn thờ Ngài, mà ta vẫn chẳng biết tướng diện của Ngài ra thế nào, thì không lẽ ta tượng hình ra là Annam, Tây, Cao-mên, hay là theo một sắc dân nào khác nơi thế nầy, thì sao cho nhằm lý?

Em nhớ mấy câu Thánh-Ngôn của Đức Cao-Đài Thượng-Đế chỉ phán về Thiên-Nhãn, cho các Môn-đệ Ngài trong buổi Đại-Đạo Tam-Kỳ mới khai như vậy:

Nhãn thị chủ tâm,

*Lưỡng quang chủ tế,
Quang thị thân,
Thần thị Thiên,
Thiên giả ngã giả.*

Mấy câu Thánh-Ngôn này nghĩa lý rất sâu xa, sức phàm khó giải, cho thấu cái rộng minh-mông của câu văn, nhưng theo phận của em, thiếu học lại trí-thức ít oi, nên luận sơ như vậy:

– Thiên-Nhân nghĩa là mắt Trời.

– Mà mắt Trời lại thông đồng với Mắt của mình, cũng nên gọi là “Thần Lương-Tâm” (Conscience).

Nên mỗi việc chi mình muốn thi-hành, tất nhiên trước hết mình phải gọi Thần Lương-Tâm mà cậy nủ, chỉ giáo điều hư thiệt, tà chánh thế nào, rồi mình mới định: làm hay bỏ. Thoảng có điều chi, mình gọi là không tốt, không hợp với thể tình đời, không đoan chánh, thì mình còn dự dự, chưa dám thi-hành, là vì mình tính: Nếu làm cho ra cái hình, theo trí của mình độ, thì sợ e mắt mình xem không hợp. Mà hễ mắt mình xem không hợp, thì lại làm cho tâm tánh mình áy-náy: Đó là bị Thần Lương-Tâm cản trở rầy la. Hễ Thần Lương-Tâm quở trách, tất nhiên là Trời quở vậy.

Ấy vậy, mọi việc chi của ta đã tính nơi Tâm ta, dầu hư dầu thiệt, thì Thần Lương-Tâm đều hiểu hết, mà chỉ-dẫn cho ta rõ điều tà, lẽ chánh. Nếu Thần Lương-Tâm hiểu, thì tất nhiên Đấng Tạo-Hóa đã rõ biết hết. Nên chi, Tâm mình lay động thì Ngài đã thấu rồi. Bởi cố, nên phận làm người phải biết rằng, mọi việc chi của ta làm lén-lút một mình, dầu lớn dầu nhỏ cũng vậy, là duy có giấu-giếm với kẻ có xác thịt như ta mà thôi, chớ chẳng hề khi nào khuất

mắt Trời và các Đấng Thiêng-Liêng cho đặng. Nếu Tạo-Hóa riêng để cho ta giấu đặng Ngài, thì còn có chi gọi là mầu nhiệm của Trời Đất. Vì vậy, mà có câu: “Thiên-giả ngã giả”, chỉ là: Hễ ta thấy, thì tất nhiên Trời cũng thấy vậy, có thể thông-đồng với nhau.

Thí dụ: Theo trí ngu xuẩn của em tưởng như: Một đứa ăn trộm kia, khi đã để ý, có một nhà nào để cho nó đột nhập, thì trước hết, nó gạn hỏi Thần Lương-Tâm coi có thể lấy của người đặng chăng? Ấy là điều tà vậy, thì thế nào Thần Lương-Tâm cũng nói với nó rằng: Không đặng! Lại giải cho nó biết: Nếu nó khoét vách, họ hay đặng la lên, ắt có kẻ đến bắt nó. Nghe đến đó, nó hết hồn, rồi dự-dự, tính tới tính lui. Trong lúc dùn thẳng ấy làm cho nó bối rối. Lại nếu sự ham muốn quá lẽ của nó có hơi sấn-sước thì Thần Lương-Tâm vẽ cái cảnh trạng sẽ tới cho nó, hoặc bị ở tù, người hành-hà thân nó, làm cho nó bỏ vợ con nó đói khát, chừng ấy nó hoảng-hốt mà xuất hạn. Ấy là, Đấng Tạo-Hóa rầy quở nó. Cũng có khi nó vưng theo lời Thần Lương-Tâm mà bỏ qua, không làm việc sai ấy.

Còn nếu nó tính sước mà làm, là bởi tánh-chất tà vậy, tuy Thần Lương-Tâm chỉ dẫn cho nó biết là sai, mà vì nó muốn quá rồi làm bậy, chớ vẫn trong lòng sợ-sệt luôn, vì bị rầy hoài cho đến cùng. Tưởng như khi nó đương hành-tàng việc sai ấy, thì Thần Lương-Tâm hằng nhắc chừng từ cái quấy của nó đương hành-động, làm cho nó hồi-hộp, cho đến khi nó đem đồ gian ấy về dọc đường, gặp người, hoặc thoát nghe nhánh cây rớt, thì cũng làm cho nó giật mình mà hoảng-hốt. Lúc bán đồ thì cũng vậy, thậm-chí cho đến nó thấy món nào, là đồ nó trộm của người còn trước mắt nó, chẳng khác chi nó còn bày đồ gian trước mắt

Thần-Lương-Tâm, thì nó cũng bị quở mà bức-rút hoài!

Ấy vậy, mọi việc chi trong thế-gian này, đều có ảnh-hưởng theo đó cả, chẳng kể là việc nhỏ hay lớn. Đây là một điều ứng chứng của mỗi người hằng thấy. Việc nào của ta làm phải, thì Thần Lương-Tâm khen, mà làm cho ta vui lòng hơn-hở; còn điều chi của ta làm sai, Thần Lương-Tâm quở rầy, lại làm cho trong lòng ta xốn-xang là như thế.

Trong Đại-Đạo Tam-Kỳ thờ “Thiên-Nhân” là chủ ý đó; mà cũng nơi đó là nguồn cội của “Đạo” tất là một điều huyền-bí sâu-xa, để cho bậc Nhơn-phàm kiếm hiểu mỗi tú riêng, tùy theo sự học thức cao thấp, hầu răn lấy mình mà giữ cho trọn phận. Huống chi, trước Chúa Giáng-Sanh, miền Âu-Châu cũng có thờ con Mất, gọi là “Loeil du Maitre”, lại có những sách vở của nhiều bậc Hiền-Triết xưa luận về Thiên-Nhân, còn để lại ràng-ràng, mà anh không để ý tìm biết./.

CHUNG

In tại nhà in Võ Văn Vân 201-211 Kitchener - Saigon 1929

Tài liệu được sưu tập từ tủ sách của Hiền Tài Nguyễn Thành Nghiệp
Q. Đâu Tộc Đạo Thánh Thất New South Wales - AUSTRALIA

CĂN TỪ CỦA NHÓM BẠN ĐẠO – AUSTRALIA

Nhằm giúp các bạn nắm vững và hiểu rõ hơn về nguồn gốc và xuất xứ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - Nhóm Bạn Đạo - AUSTRALIA sưu tầm và tái ấn hành quyển Đại Đạo Truy Nguyên của cụ Huệ Chương lên trang CAO ĐAI E-BOOK lần đầu tiên sau quyển Đại Đạo Căn Nguyên của ông Thuận Đức Nguyễn Trung Hậu.

Sách được viết vào tháng 01-1929 (Février 1929) tức là hơn 3 năm sau ngày Khai Đạo (18-11-1926) nhằm Rằm tháng 10 năm Bính Dần.

Vào thời bấy giờ chữ Quốc ngữ còn trong giai đoạn phôi thai, nên có một vài chữ về chính tả khác với hiện tại, cũng có thể do sơ suất ấn loát. Chúng tôi có mạo muội hiệu đính lại phần nào sao cho phù hợp với sự phát triển của chữ Quốc ngữ để bạn đọc cảm thấy quen thuộc gần gũi hơn.

▪ Về trình bày chúng tôi chia ra làm hai phần có đánh số La Mã theo thứ tự:

- Phần I: ĐẠI ĐẠO TRUY NGUYÊN
- Phần II: PHU THÊ YẾU LUẬN

▪ Về hiệu chỉnh chính tả chúng tôi dựa theo hai quyển Tự Điển:

- Việt Nam Tân Tự Điển Minh Họa của Thanh Nghị do nhà sách Khai Trí ấn hành ngày 27/12/67.

- Việt Nam Tự Điển của hai tác giả Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ do nhà sách Khai Trí ấn hành ngày 8/7/70.

Mặc dù cố gắng hết sức mình, nhưng chắc chắn không thể nào tránh được sơ xuất, mong nhờ quý bạn đọc đóng góp ý kiến để chúng tôi có thể bổ khuyết cho những ấn bản lần sau được hoàn chỉnh hơn.

Nếu có điều chi thắc mắc, xin quý bạn liên lạc với anh em chúng tôi hay Thánh Thất NSW -AUSTRALIA.

Địa chỉ: 114-118 King George Road
WILEY PARK, NSW 2199
AUSTRALIA

Chúng tôi rất vui lòng hầu đáp thắc mắc của quý bạn.

*Nhóm Bạn Đạo
Kính cáo*

ĐẠI ĐẠO TRUY NGUYÊN
PHỤ THÊ YẾU LUẬN

Tác Giả: **HUỆ CHƯƠNG**